

MỤC LỤC

LỜI CAM

ĐOAN LỜI

CẢM ƠN

DANH MỤC TỪ
VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘ TỊCH VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở CẤP XÃ	7
1.1. Khái niệm về hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch	7
1.1.1. Hộ tịch và đặc điểm của hộ tịch	7
1.1.2. Quản lý nhà nước về hộ tịch và đăng ký hộ tịch ở cấp xã	15
1.2. Nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã	22
1.2.1. Nguyên tắc đăng ký, quản lý hộ tịch	22
1.2.2. Chủ thể thực hiện quản lý, đăng ký hộ tịch	22
1.2.3. Nội dung quản lý của nhà nước đối với hộ tịch	23
1.2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trong quản lý về hộ tịch	24
1.3. Sự biến đổi của mô hình cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch tại Việt Nam từ năm 1945 đến nay	27
1.3.1. Mô hình quản lý hộ tịch ở miền Nam dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa	27
1.3.2. Mô hình quản lý hộ tịch của nước ta từ 1945 đến nay	29
1.3.3. Một số mô hình quản lý hộ tịch trên thế giới	36
Kết luận chương 1	37
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở CẤP XÃ CỦA HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	38

2.1. Tổng quan về huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	38
2.2. Hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	40

2.2.1. Hoạt động ban hành văn bản quản lý nhà nước đối với hộ tịch	40
2.2.2. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch	42
2.2.3. Hoạt động đăng ký hộ tịch	44
2.2.4. Hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện quản lý hộ tịch	49
2.2.5. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động đăng ký hộ tịch	50
2.3. Đánh giá chung về thành tựu cùng những hạn chế	51
2.3.1. Những thành tựu đạt được	51
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân	54
CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở CẤP XÃ, QUA THỰC TIỄN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI	65
3.1. Mục tiêu, yêu cầu đối với quản lý nhà nước về hộ tịch trong tiến trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay	65
3.1.1. Mục tiêu của quản lý nhà nước về hộ tịch	65
3.1.2. Yêu cầu quản lý nhà nước về hộ tịch	66
3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch ở cấp xã trong giai đoạn hiện nay	68
3.2.1. Nhóm các giải pháp chung	68
3.2.2. Nhóm các giải pháp cụ thể đối với huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.	71
.....	71
Kết luận chương 3	83
KẾT LUẬN	84
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	86

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản lý nhà nước về hộ tịch có vị trí trung tâm của hoạt động quản lý dân cư. Đây là một lĩnh vực quan trọng của nền hành chính mà mọi quốc gia đương đại, không phân biệt chế độ chính trị, trình độ phát triển, đều phải quan tâm. Sự vững mạnh của một quốc gia liên quan mật thiết với hiệu quả của hoạt động quản lý dân cư nói chung và quản lý hộ tịch nói riêng. Đối với chính quyền xã, phường, thị trấn (gọi chung là chính quyền cấp xã) thì công tác quản lý và đăng ký hộ tịch còn có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý, thống kê dân số và quản lý xã hội ở địa bàn cơ sở. Thông qua quản lý và đăng ký hộ tịch, UBND cấp xã có thể theo dõi thực trạng biến động về hộ tịch nhằm kịp thời bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; thống kê, phân tích dân số; thu thập các thông số quan trọng về gia đình và xã hội, làm cơ sở cho việc hoạch định và xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình của Nhà nước.

Ở nước ta hiện nay, công tác quản lý hộ tịch được thực hiện theo Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ Về đăng ký và quản lý hộ tịch; Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều về hộ tịch, hôn nhân, gia đình và chứng thực.

Cùng với sự nỗ lực của các cấp chính quyền, thời gian qua, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch đã đi vào nề nếp và thu được những kết quả đáng khích lệ: Số trẻ em được đăng ký khai sinh đạt tỷ lệ cao, đăng ký kết hôn đúng quy định... Tuy vậy công tác này thời gian qua cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế, gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý xã hội của bộ máy nhà nước nói chung và của chính quyền cấp xã nói riêng như: Thủ tục quản lý hộ tịch

chưa khoa học, chưa phù hợp thực tế; trình độ, năng lực của đội ngũ công chức làm công tác quản lý và đăng ký hộ tịch (nhất là ở cấp xã) chưa đáp ứng được yêu cầu; việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hộ tịch chưa được quan tâm đúng mức; công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan tư pháp cấp trên chưa được thường xuyên, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan... Những hạn chế này đã làm giảm đáng kể hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch.

Là người trực tiếp thực hiện công tác quản lý hộ tịch tại huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, trong những năm qua, tôi thấy cho dù được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của các cấp uỷ, các cấp chính quyền (huyện, xã); của các cơ quan tư pháp cấp trên (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp) nhưng công tác quản lý hộ tịch ở huyện Mê Linh nói riêng và trên cả nước nói chung cũng còn nhiều hạn chế. Để công tác này ngày càng đi vào nề nếp, đạt hiệu quả cao, tôi quyết định chọn đề tài *“Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, thực tiễn ở huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội”* để nghiên cứu, viết luận văn tốt nghiệp. Thông qua nghiên cứu đề tài, tôi muốn làm rõ hơn nữa cơ sở lý luận, thực tiễn của hoạt động quản lý hộ tịch; chỉ ra những nguyên nhân của các hạn chế, trên cơ sở đó, đề xuất các kiến nghị góp phần nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội cũng như trên cả nước.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Liên quan tới đề tài luận văn, thời gian qua ở Việt Nam đã có nhiều công trình của các nhà khoa học đã tiến hành nghiên cứu, cụ thể:

- Sách chuyên khảo:

+ Nguyễn Ngọc Hiếu (chủ biên), *Các giải pháp thúc đẩy cải cách hành chính ở Việt Nam*”, NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2001;

+ Bộ Tư pháp, Sổ chuyên đề về “*Công chứng, hộ tịch và quốc tịch*”, phần II - Hộ tịch và quốc tịch, Hà Nội. 2007;

+ Học viện Hành chính Quốc gia, Giáo trình “*Quản lý hành chính-tư pháp*”, NXB. Khoa học kỹ thuật, Hà Nội. 2008 (dành cho đào tạo trung cấp hành chính).

- Bài đăng trên các tạp chí:

+ Phạm Trọng Cường, “*Kỳ vọng về một nề nếp mới trong công tác hộ tịch*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật – Bộ Tư pháp, số tháng 6 năm 2006;

+ Trần Văn Quảng, “*Nâng cao năng lực đội ngũ công chức tư pháp – hộ tịch trong giai đoạn hiện nay*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật – Bộ Tư pháp, số tháng 9 năm 2006;

+ Đàm Thị Kim Hạnh, “*Tư pháp Hà Nội không vì khó khăn mà từ chối đăng ký khai sinh*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật – Bộ Tư pháp, số tháng 3 năm 2008.

- Luận văn, luận án:

+ Phạm Hồng Hoàn, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội*”, (luận văn Thạc sĩ Quản lý hành chính công), Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2011;

+ Nguyễn Thị Chính, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch của UBND phường ở quận Đống Đa, thành phố Hà Nội*”, (luận văn Thạc sĩ Quản lý hành chính công), Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2013;

+ Nguyễn Thúy Hằng, “*Quản lý nhà nước về Tư pháp của UBND phường ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*” (luận văn Thạc sĩ Quản lý hành chính công), Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2014;

+ Nguyễn Thị Nga, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội*” (luận văn Thạc sĩ Quản lý hành chính công), Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2014;

+ Nguyễn Thùy Dung, "*Quản lý nhà nước về chứng thực - Qua thực tiễn thành phố Hà Nội*", (luận văn Thạc sĩ Luật học), khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014;

+ Nguyễn Tiến Tài, "*Áp dụng pháp luật hộ tịch ở cơ sở - thông qua thực tiễn địa bàn huyện thanh Trì, thành phố Hà Nội*" (luận văn Thạc sĩ Luật học), khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014;

Các công trình khoa học trên đã đề cập từng khía cạnh của quản lý về hộ tịch. Tuy nhiên, do đến nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu trực tiếp về quản lý hộ tịch ở cấp xã trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Đây cũng là lý do tiếp theo để học viên lựa chọn nghiên cứu.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn làm rõ những vấn đề lý luận về hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Mê Linh. Đồng thời thêm một số ý kiến góp ý cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện những văn bản pháp luật hộ tịch hiện hành.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu của đề tài, luận văn có những nhiệm vụ cụ thể sau:

Tìm hiểu cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về hộ tịch;

Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý và đăng ký hộ tịch trong thời gian (2010- 2014) để tìm ra những ưu điểm và tồn tại của hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch của UBND cấp xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

Đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn cấp xã, huyện Mê Linh nói riêng và cả nước nói chung;

Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản lý hộ tịch ở nước ta hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

- Các quy định của pháp luật hiện hành về hộ tịch, quản lý hộ tịch;
- Thực tiễn hoạt động đăng ký và quản lý nhà nước về hộ tịch ở các xã, thị trấn, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- *Không gian:* Luận văn tập chung nghiên cứu hoạt động quản lý hộ tịch ở UBND các xã, thị trấn của huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;
- *Thời gian:* Đề tài nghiên cứu hoạt động quản lý hộ tịch ở UBND các xã, thị trấn của huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội từ 2010 đến năm 2014.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài là những luận điểm trong học thuyết Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý hành chính nhà nước; các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quản lý hộ tịch.

Các phương pháp được tác giả sử dụng trong luận văn gồm: Phương pháp phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp; phương pháp lịch sử; phương pháp hệ thống; phương pháp so sánh...

Trong chương 1, để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch, luận văn sử dụng phương pháp hệ thống, so sánh, phân tích nhằm làm rõ thêm quan niệm, nội dung của quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch. Bằng việc sử dụng phương pháp thống kê, so sánh, phân tích..., *chương 2* của luận văn đã đánh giá những ưu điểm, hạn chế của thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mê Linh trong những năm qua. Ở *chương 3*, phương pháp phân tích tổng hợp được sử dụng để đưa ra các giải pháp

nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nói riêng và trên cả nước nói chung.

6. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn của luận văn

Góp phần hệ thống hóa những vấn đề lý luận chung về hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp cơ sở;

Tìm hiểu và nghiên cứu thực tiễn quản lý hộ tịch ở UBND cấp xã trên địa bàn huyện Mê Linh để đề xuất, kiến nghị về phương hướng xử lý các tình huống hộ tịch phức tạp trên thực tế;

Là một công trình có sự gắn kết giữa phân tích lý luận với tổng kết thực tiễn địa phương, luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong việc hoạch định các chủ trương, chính sách về quản lý hộ tịch ở huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội trong những năm tới, đồng thời là nguồn tư liệu tham khảo cho những người nghiên cứu các đề tài liên quan đến hộ tịch.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, danh mục tài liệu tham khảo, trong phần nội dung luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã;

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;

Chương 3: Một số giải pháp góp phần hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã ở huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HỘ TỊCH VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở CẤP XÃ

1.1. Khái niệm về hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch

1.1.1. Hộ tịch và đặc điểm của hộ tịch

1.1.1.1. Khái niệm về hộ tịch

a) Về khía cạnh ngôn ngữ

“Hộ tịch” là một từ ngoại lai được du nhập vào ngôn ngữ tiếng Việt nhưng rất khó xác định thời điểm xuất hiện. Khảo cứu qua các bộ sử liệu như “Đại Việt sử ký toàn thư”, “Lịch triều hiến chương loại chí”, “Việt sử thông giám cương mục” v.v. có thể thấy thuật ngữ “hộ tịch” đã xuất hiện từ rất sớm, bên cạnh nó còn các từ cổ có liên quan và cùng nằm trong phạm trù quản lý dân cư như “trưởng tịch”, “hộ khẩu”, “sổ danh bạ”, “tiểu điền”, “đại điền”, “phụ tịch”, “chính hộ”, “khách hộ”, v.v... Tuy nhiên, theo “Đại Nam Quốc âm tự vị”, cuốn từ điển của tác giả Huỳnh Tịnh Paulus Của được biên soạn từ năm 1895 với phương pháp “*thâm dụng chữ Nho và lấy 24 chữ cái phương Tây làm chữ bộ*” thì trong bộ chữ “hộ” chưa có từ “hộ tịch” [1,tr.425].

“Hộ tịch” là một từ ghép gốc Hán chính phụ, được ghép bởi hai thành tố có nghĩa độc lập, trong đó “tịch” là thành tố chính. Xét về mặt từ loại thì đây là một danh từ thuộc nhóm danh từ chỉ khái niệm trừu tượng [2,tr.211]. Nếu tìm hiểu riêng từng thành tố thì có thể thấy, các từ điển tiếng Việt hiện nay khá thống nhất trong cách hiểu về từng từ đơn này. Theo đó, từ “hộ” - khi sử dụng là danh từ có nhiều nghĩa khác nhau, nhưng trong đó có một nghĩa trực tiếp là “dân sự” hoặc “nhà ở”, hiểu rộng ra là “đơn vị để quản lý dân số, gồm những người cùng ăn ở với nhau”. Tương tự, từ “tịch” có nghĩa là “sổ sách” hoặc là “sổ sách đăng ký quan hệ lệ thuộc”. Tuy nhiên, việc tổ hợp hai từ đơn

này thành danh từ “hộ tịch” lại là một trường hợp rất đặc biệt về mặt ngôn ngữ, và được sử dụng với thuộc tính *kết hợp hạn chế* (hạn chế về việc sử dụng và khả năng tổ hợp của từ ngữ) [3tr.9]. Chính do tính chất đặc biệt ấy nên khảo cứu qua các từ điển tiếng Việt thì thấy có nhiều cách giải nghĩa từ “hộ tịch” rất khác nhau.

Các Từ điển Hán - Việt của nhiều tác giả khác nhau (Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Khôn, Hoàng Thúc Trâm, Nguyễn Lâm, Bửu Kế) đều có sự tương đồng và những khía cạnh khác biệt trong cách giải nghĩa từ “hộ tịch”. Dưới đây là một số cách giải nghĩa:

“Hộ tịch: Quyển sổ của Chính phủ biên chép số người, chức nghiệp và tịch quán của từng người” [4, tr.384];

“Hộ tịch: Sổ biên dân số có ghi rõ tên họ, quê quán và chức nghiệp của từng người” [5tr.404];

“Hộ tịch: Sổ biên nhận số một địa phương hoặc cả toàn quốc, trong có ghi rõ tên họ, quê quán và chức nghiệp của từng người” [6, tr.296];

“Hộ tịch: Sổ sách ghi chép tên, họ, nghề nghiệp dân cư ngụ trong xã phường” [7, tr.814];

“Hộ tịch: Quyển sổ ghi chép tên tuổi, quê quán, nghề nghiệp của mọi người trong một địa phương” [8, tr.321].

Bên cạnh những cách giải nghĩa của các từ điển Hán - Việt nói trên, một số từ điển lại giải nghĩa từ “hộ tịch” ở những khía cạnh khác hẳn. Dưới đây là một số ví dụ:

“Hộ tịch: sổ của cơ quan dân chính đăng ký cư dân trong địa phương mình theo từng hộ” [9, tr.442];

“Hộ tịch: Các sự kiện trong đời sống của một người thuộc sự quản lý của pháp luật” [10tr.835];

“Hộ tịch: quyền cư trú, được chính quyền công nhận của một người

tại nơi mình ở thường xuyên, của những người thường trú thuộc cùng một hộ, do chính quyền cấp cho từng hộ để xuất trình khi cần" [11,tr.385].

Như vậy, nghĩa của từ "hộ tịch" xét về góc độ ngôn ngữ còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau, thậm chí, có cuốn từ điển giải nghĩa còn thể hiện sự nhầm lẫn cơ bản giữa hai khái niệm hộ tịch và hộ khẩu. Điều này phản ánh một thực tế là sự nhầm lẫn giữa hai khái niệm "hộ tịch" và "hộ khẩu" trong nhận thức xã hội là khá phổ biến.

b) Về khía cạnh pháp lý

**** Quan niệm của một số học giả miền Nam Việt Nam thời kỳ trước năm 1975***

Thuật ngữ "hộ tịch" lần đầu tiên được định nghĩa trong các giáo trình giảng dạy của Đại học Luật khoa Sài Gòn dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa, trong đó nổi lên quan điểm của một số tác giả sau:

Tác giả Phan Văn Thiết có thể coi là người đầu tiên trình bày quan niệm "hộ tịch" trong cuốn tài liệu chuyên khảo xuất bản năm 1958 như sau:

"Hộ tịch - còn gọi là nhân thế bộ - là cách sinh hợp pháp của một công dân trong gia đình và trong xã hội. Hộ tịch căn cứ vào ba hiện tượng quan trọng nhất của con người: sinh, giá thú và tử" [12,tr.7].

Các tác giả Vũ Văn Mẫu - Lê Đình Chân lại trình bày một định nghĩa khác về khái niệm "hộ tịch":

"Hộ tịch là sổ biên chép các việc liên hệ đến các người trong nhà. Hộ tịch gồm ba sổ để ghi chép các sự khai giá thú, khai sinh và khai tử" [13,tr.111].

Tác giả Trần Thúc Linh, tác giả cuốn ***Danh từ pháp luật lược giải*** - vốn được đánh giá là một trong những từ điển chuyên ngành pháp lý đầu tiên - không đưa ra định nghĩa về khái niệm "hộ tịch" mà chỉ định nghĩa khái niệm "chứng thư hộ tịch":

“Chứng thư hộ tịch là những giấy tờ công chứng dùng để chứng minh một cách chính xác thân trạng người ta như ngày tháng sanh, tử, giá thú, họ tên, con trai con gái, con chính thức hay con tư sanh, tư cách vợ chồng... tóm lại tình trạng xã hội của con người từ lúc sinh ra đến khi chết.

Các sổ sách hộ tịch ghi lại mọi việc sanh, tử, giá thú và các việc thay đổi về thân trạng người ta (nhìn nhận con ngoại hôn, chính thức hoá con tư sinh, khước từ phụ hệ, ly thân...) [14, tr.42].

*** Khái niệm “hộ tịch” trong hệ thống pháp luật hiện hành**

Khái niệm “hộ tịch” cũng là một trường hợp đặc biệt trong hệ thống khái niệm pháp lý tiếng Việt. Bản thân khái niệm này hoàn toàn không dễ định nghĩa một cách minh bạch, điều đó cũng có nghĩa là việc sử dụng nó không thuận tiện theo nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Trên thực tế, đã từng có những cuộc thảo luận trong giới chuyên môn về việc thay thế khái niệm này bằng một khái niệm khác thông dụng hơn, dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, do khái niệm này, trải qua một quá trình lịch sử đã dần trở thành ngôn ngữ phổ thông, ăn sâu trong nhận thức nhân dân nên giải pháp đi tìm khái niệm Việt hoá thay thế không được lựa chọn, thay vào đó, các nhà xây dựng pháp luật đã dung hoà bằng giải pháp mà Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho phép, đó là sử dụng khái niệm này với tư cách là một thuật ngữ chuyên môn và định nghĩa trong văn bản. Theo đó, định nghĩa về “hộ tịch” được duy trì từ Nghị định số 83/1998/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/10/1998 về đăng ký hộ tịch cho đến Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch như sau: *“Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến khi chết”*. Cách định nghĩa này, thực chất chỉ là một sự ước định. Về giá trị biểu đạt, với cách định nghĩa như vậy, sẽ chính xác hơn nếu coi đây là định nghĩa cho thuật ngữ “sự kiện hộ tịch” chứ không phải thuật ngữ “hộ tịch”.

Bên cạnh đó, bản thân cách định nghĩa này cũng chưa xác định được rõ ràng nội hàm của khái niệm nên cùng với khái niệm “hộ tịch”, Nghị định 158/2005/NĐ-CP còn nêu thêm khái niệm “đăng ký hộ tịch” bằng phương pháp mô tả như sau:

“Đăng ký hộ tịch theo quy định của Nghị định này là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

- Xác nhận các sự kiện: sinh; kết hôn; tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch; xác định lại giới tính; xác định lại dân tộc;

- Căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi vào sổ hộ tịch các việc: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; hủy việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt nuôi con nuôi.”

Về mặt kỹ thuật, trong khái niệm “đăng ký hộ tịch”, chữ “tịch” đã có giá trị biểu đạt tương đương với “đăng ký”, điều này tạo nên sự trùng lặp về ý nghĩa khi giải thích khái niệm (tương tự như cụm từ: sông Hồng Hà,...). Đây là một nét đặc trưng của việc sử dụng ngôn ngữ Hán Việt. Hạn chế này có thể được khắc phục nếu thay thế khái niệm “đăng ký hộ tịch” bằng khái niệm thuần Việt “đăng ký tình trạng dân sự”. Tuy nhiên, đây là khái niệm xa lạ với người dân, do đó, việc sử dụng khái niệm thay thế “đăng ký tình trạng dân sự” mặc dù có thể đạt được sự chặt chẽ về mặt học thuật nhưng lại hoàn toàn không có ưu thế về hiệu quả sử dụng do không có tính đại chúng, hạn chế khả năng phổ biến trong đời sống xã hội.

Cũng do khái niệm hộ tịch chứa đựng trong đó yếu tố truyền thống, lịch sử và đã là một khái niệm có tính chất phổ thông, ăn sâu trong nhận thức nhân dân nên giải pháp đi tìm khái niệm Việt hóa thay thế nó không được lựa chọn. Thay vào đó, các nhà xây dựng pháp luật đã dùng hòa bằng giải pháp mà Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho phép, đó là sử dụng nó với tư cách là một thuật ngữ chuyên môn và định nghĩa nó trong văn bản.

Theo Điều 1 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý Hộ tịch thì: “Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến khi chết”.

Có thể xem những sự kiện hộ tịch là rất đa dạng. Nếu theo quan niệm cũ trước đây, hộ tịch chủ yếu bao gồm các sự kiện về sinh, tử, kết hôn thì theo quy định hiện nay của pháp luật, hộ tịch bao gồm các sự kiện cơ bản như: Sinh; tử; kết hôn; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi cải chính, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch, xác định lại giới tính, xác định lại dân tộc; xác nhận tình trạng hôn nhân.

Sự phát sinh các sự kiện sinh, tử, kết hôn; thay đổi họ, tên, chữ đệm, cải chính ngày, tháng, năm sinh; nhận nuôi con nuôi, nhận con ngoài giá thú... chỉ là các sự kiện ban đầu của vấn đề hộ tịch. Những sự kiện nói trên phải được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận và đăng ký vào sổ hộ tịch theo trình tự, thủ tục nhất định và cấp cho đương sự bản chính giấy tờ hộ tịch. Hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận và ghi chép vào sổ hộ tịch các sự kiện nói trên là đăng ký hộ tịch. Trên thực tế việc phân tích khái niệm hộ tịch không chỉ dừng lại ở khía cạnh học thuật mà nó còn giúp chúng ta nhận rõ những vấn đề phát sinh, những thành tố không thể thiếu được khi nói đến tình trạng của một thể nhân trong quan hệ pháp luật với tư cách là chủ thể cơ bản.

Để xác định được quyền và nghĩa vụ của chủ thể (thân thể) trong một quan hệ pháp luật, công việc đầu tiên cần xác định chủ thể là ai? Không có cách nào khác là căn cứ vào tình trạng nhân thân của họ. Trong khoa học hình sự khi cần, người ta lấy mẫu vân tay để có cơ sở so sánh và kết luận. Trong hộ tịch, việc xác định các thành tố như họ, tên, chữ đệm, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, thời điểm chết hoặc các quan hệ nhân thân khác như quan hệ cha, con, vợ, chồng, nghề nghiệp, nơi cư trú... là những cơ sở để phân biệt các chủ thể với nhau.

Giấy tờ hộ tịch là loại giấy tờ pháp lý do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp cho mỗi cá nhân sau khi đã đăng ký một sự kiện hộ tịch.

Đối với mỗi cá nhân, giấy tờ hộ tịch có vai trò rất quan trọng bởi các thông tin thể hiện trên từng loại giấy tờ hộ tịch có giá trị pháp lý giúp mỗi cá nhân chứng minh một cách chính xác các đặc điểm nhân thân của mình khi tham gia vào các quan hệ xã hội nhất định. Trong phương thức quản lý hộ tịch của Việt Nam hiện nay, nếu như việc ghi chép vào sổ hộ tịch chủ yếu nhằm phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước thì việc thiết lập và cấp chứng thư hộ tịch lại có ý nghĩa chủ yếu nhằm phục vụ cho lợi ích của người dân. Ở phương diện này, có thể nói giấy tờ hộ tịch là phương tiện giúp người dân có thể hưởng thụ các quyền và lợi ích nhân thân cơ bản.

Với Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch, lần đầu tiên giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch đã được quy định thành một điều riêng biệt, cụ thể tại Điều 5 quy định: *“Giấy tờ hộ tịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho cá nhân theo quy định của pháp luật về hộ tịch là căn cứ xác nhận sự kiện hộ tịch của cá nhân đó”*.

Pháp luật Việt Nam công nhận và quy định giá trị pháp lý của các giấy tờ hộ tịch khác nhau như: giấy khai sinh; giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng tử; giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; quyết định công nhận giám hộ; quyết định công nhận việc nhận cha, mẹ, con.

Khi thực hiện việc đăng ký một sự kiện hộ tịch, cùng với việc ghi vào sổ gốc, cán bộ Tư pháp hộ tịch có trách nhiệm cấp cho đương sự một bản chính giấy tờ hộ tịch tương ứng với sự kiện hộ tịch được đăng ký đồng thời cấp bản sao với số lượng không hạn chế theo yêu cầu của đương sự. Các loại bản chính và bản sao giấy tờ hộ tịch được sử dụng theo biểu mẫu thống nhất do Bộ Tư pháp in ấn và phát hành.

Trong số tất cả các loại giấy tờ hộ tịch thì Giấy khai sinh có vị trí quan trọng đặc biệt. Đối với mỗi cá nhân, giấy khai sinh được coi là loại giấy tờ pháp lý quan trọng nhất mà mỗi cá nhân cần có từ những năm tháng đầu tiên

của cuộc đời đến khi chết. Giấy khai sinh không chỉ là “giấy thông hành” vào đời một đứa trẻ mà trong suốt quá trình tồn tại về sau, giấy khai sinh luôn được cá nhân sử dụng để chứng minh nhân thân của mình khi tham gia vào các quan hệ pháp luật như đi nhập học, xin việc làm, đăng ký kết hôn... Chính vì vậy, khoản 3 Điều 5 Nghị định 158 đã khẳng định tính chất quan trọng của giấy khai sinh bằng quy định: Giấy khai sinh là giấy tờ gốc của mỗi cá nhân. Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung ghi họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch, nơi thường trú/ tạm trú quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với giấy khai sinh của người đó.

Giấy khai sinh là “giấy tờ gốc” và ý nghĩa là cơ sở để xác lập các loại giấy tờ pháp lý về sau như: Sổ hộ khẩu, học bạ, chứng minh nhân dân, các loại văn bằng, chứng chỉ... Trong quan hệ với các giấy tờ này, giấy khai sinh không chỉ là căn cứ để xác lập nên các giấy tờ đó mà trong trường hợp các thông tin về cá nhân thể hiện trên giấy khai sinh và các giấy tờ cá nhân khác có sự khác biệt, không thống nhất thì giấy khai sinh được coi là cơ sở pháp lý để điều chỉnh dữ liệu trên các giấy tờ cá nhân khác cho phù hợp với các nội dung trong giấy khai sinh. Giấy tờ hộ tịch do cơ quan đại diện Ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp có giá trị như giấy tờ hộ tịch được cấp ở trong nước.

Những sự kiện hộ tịch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản và ghi vào sổ hộ tịch. Những giấy tờ, hộ tịch đã được xác nhận và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ghi nhận nhằm để cá biệt hoá một công dân. Đó là cơ sở pháp lý chứng minh các quyền và nghĩa vụ của công dân phát sinh từ sự kiện hộ tịch. Do tính chất quan trọng như vậy của các giấy tờ về hộ tịch cho nên pháp luật có quy định chặt chẽ, cụ thể các nguyên tắc, thủ tục, trình tự đăng ký và cấp các loại giấy tờ về hộ tịch.

Chính vì vậy, đăng ký hộ tịch là hành vi bắt buộc không chỉ với công dân mà còn là trách nhiệm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.1.1.2. Đặc điểm của hộ tịch

Từ quan niệm trên về hộ tịch, có thể thấy, hộ tịch có những đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, hộ tịch là một giá trị nhân thân, gắn chặt với cá nhân con người, bởi vì, mỗi người chỉ có một thời điểm sinh, một thời điểm chết. Các dấu hiệu về cha đẻ, mẹ đẻ, dân tộc, giới tính là những dấu hiệu giúp người ta phân biệt từng cá nhân con người. Do đó, đây là các giá trị nhân thân gắn với một con người cụ thể từ khi sinh ra đến khi chết;

Thứ hai, hộ tịch là những giá trị, về nguyên tắc không chuyển đổi cho người khác. Đặc điểm này là hệ quả của đặc điểm thứ nhất. Do đó, việc thực hiện các sự kiện hộ tịch phải do trực tiếp cá nhân người đó thực hiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (như: khai sinh có thể do bố, mẹ đi đăng ký khai sinh; khai tử do người thân của người chết đăng ký khai tử);

Thứ ba, hộ tịch là những sự kiện nhân thân không lượng hoá được thành tiền. Chính vì vậy, hộ tịch không phải là một loại hàng hóa có thể trao đổi trên thị trường.

1.1.2. Quản lý nhà nước về hộ tịch và đăng ký hộ tịch ở cấp xã

1.1.2.1. Quản lý nhà nước về hộ tịch

Là một nội dung trong quản lý hành chính nhà nước về hành chính - tư pháp, quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch tập trung chủ yếu vào các hoạt

đôn	g: Ban hành hoặc	trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy
phạm pháp luật về hộ tịch; xây dựng	g và tổ chức thực hiện	chính sách, kế
hoạch, định hướng về hoạt động	g hộ tịch; phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ	

tịch; quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan , tổ chức trong
hoạt động h ộ , bồi dưỡng, hướng nghiệp vụ về đăng ký h
tịch; đào tạo dân ộ

tịch; kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, , giải quyết khiếu nại, tô
xử lý vi phạm

cáo trong hoạt động đăng ký h ộ tịch; bảo đảm kinh phí , cơ sở vật chất ,

phương tiện cho một số hoạt động g hộ tịch; tổng
kết hoạt động g hộ tịch; báo cáo

cơ quan nhà nước cấp trên về hoạt động g đăng ký hộ tịch.

Quản lý nhà nước đối với hộ tịch có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, quản lý hành chính nhà nước đối với hộ tịch là hoạt động mang quyền lực nhà nước.

Quyền lực nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước đối với hộ tịch trước hết thể hiện ở việc các chủ thể có thẩm quyền thể hiện ý chí nhà nước thông qua phương tiện nhất định, trong đó phương tiện cơ bản và đặc biệt quan trọng được sử dụng là văn bản quản lý hộ tịch.

Bằng việc ban hành văn bản, chủ thể quản lý hộ tịch thể hiện ý chí của mình dưới dạng các hoạt động áp dụng pháp luật; dưới dạng các mệnh lệnh cá biệt nhằm áp dụng pháp luật vào thực tiễn, trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ quản lý; dưới những dạng mệnh lệnh chỉ đạo trong hoạt động, nhằm tổ chức thực hiện pháp luật trong thực tiễn; dưới dạng những thông tin hướng dẫn người dân để thực hiện việc đăng ký hộ tịch thông qua hệ thống của bộ máy quản lý hộ tịch của Nhà nước.

Bên cạnh đó, quyền lực nhà nước còn thể hiện trong việc các chủ thể có thẩm quyền tiến hành những hoạt động cần thiết để bảo đảm thực hiện ý chí nhà nước, như các biện pháp về tổ chức, tuyên truyền giáo dục, thuyết phục, hòa giải ... Chính những biện pháp này là sự thể hiện tập trung và rõ nét của sức mạnh nhà nước, một bộ phận tạo nên quyền lực nhà nước, nhờ đó ý chí của chủ thể quản lý hộ tịch được bảo đảm thực hiện.

Thứ hai, quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là hoạt động được tiến hành bởi những chủ thể có quyền năng hành pháp là các công chức trong bộ máy nhà nước.

Chủ thể chủ yếu thực hiện quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là

các cơ quan quản lý hành chính nhà nước (Chính phủ, Bộ Tư pháp, UBND, cơ

quan chuyên môn thuộc UBND các cấp, đội ngũ công chức Tư pháp- hộ tịch ở các xã).

Thứ ba, quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là hoạt động có tính thống nhất, được tổ chức chặt chẽ.

Để đảm bảo tính pháp chế trong hoạt động hộ tịch, bộ máy các cơ quan hộ tịch được tổ chức thành một khối thống nhất từ Trung ương tới địa phương, nhờ đó các hoạt động của bộ máy được chỉ đạo, điều hành thống nhất, bảo đảm lợi ích chung của cả nước, bảo đảm sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các địa phương tạo ra sức mạnh tổng hợp của cả nước, tránh được sự cục bộ, phân hóa giữa các địa phương hay vùng miền khác nhau.

Tuy nhiên, do mỗi địa phương đều có những nét đặc thù riêng về điều kiện kinh tế - xã hội nên để có thể phát huy tối đa những yếu tố của từng địa phương, tạo sự năng động sáng tạo trong quản lý điều hành, bộ máy quản lý hộ tịch còn được tổ chức theo hướng phân cấp, trao quyền tự quyết, tạo sự chủ động sáng tạo cho chính quyền địa phương.

Thứ tư, hoạt động quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch có tính chấp hành và điều hành.

Tính chấp hành và điều hành của hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch thể hiện trong việc những hoạt động này được tiến hành trên cơ sở pháp luật và nhằm mục đích thực hiện pháp luật, cho dù đó là hoạt động chủ động sáng tạo của chủ thể quản lý thì cũng không được vượt quá khuôn khổ pháp luật, điều hành cấp dưới, trực tiếp áp dụng pháp luật hoặc tổ chức những hoạt động thực tiễn..., trên cơ sở quy định pháp luật nhằm hiện thực hóa pháp luật.

Tính điều hành của hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch thể hiện trong việc chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Trong quá trình đó, các chủ thể này, không chỉ tự mình thực hiện pháp luật mà quan trọng hơn cả chúng đảm nhận chức năng chỉ đạo nhằm vận hành

hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo một quy trình thống nhất; tổ chức để mọi đối tượng có liên quan thực hiện pháp luật nhằm hiện thực hóa các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ quản lý.

Thứ năm, quản lý hành chính nhà nước đối với hộ tịch là hoạt động mang tính liên tục.

Quản lý nhà nước đối với hộ tịch luôn cần có tính liên tục, kịp thời và linh hoạt để đáp ứng sự vận động không ngừng của đời sống xã hội. Chính điểm đặc thù này được coi là một cơ sở quan trọng trong việc xác lập quy định về tổ chức và hoạt động, quy chế công chức của bộ máy quản lý hộ tịch; tạo ra bộ máy quản lý hộ tịch gọn nhẹ, có sự linh hoạt trong tổ chức, có đội ngũ công chức quản lý hộ tịch năng động sáng tạo, quyết đoán và chịu sự ràng buộc trách nhiệm đối với hoạt động của mình.

Như vậy, có thể hiểu: *Quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là một hình thức hoạt động của nhà nước, do các chủ thể có thẩm quyền (trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền) thực hiện trên cơ sở và để thi hành pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch, góp phần vào bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.*

1.1.2.2. Đăng ký hộ tịch

Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận các sự kiện:

Một là, sinh; kết hôn; tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch; xác định lại giới tính; xác định lại dân tộc.

Trong đó, thay đổi hộ tịch là việc thay đổi họ, tên, chữ đệm đã được đăng ký đúng trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh nhưng cá nhân có yêu cầu thay đổi khi có lý do chính đáng theo yêu cầu của

cá nhân đó khi có lý do chính đáng theo quy định của Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Cải chính hộ tịch là việc cơ quan đăng ký hộ tịch cải chính (sửa chữa) những nội dung đã được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính Giấy khai sinh, nhưng có sai sót khi đăng ký hộ tịch.

Điều chỉnh hộ tịch là việc cơ quan đăng ký hộ tịch căn cứ vào bản chính Giấy khai sinh để điều chỉnh các nội dung đã được đăng ký trong sổ hộ tịch và các giấy tờ hộ tịch khác (không phải là Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh) cho phù hợp với các nội dung tương ứng trong bản chính Giấy khai sinh.

Bổ sung hộ tịch là việc ghi bổ sung những nội dung chưa được đăng ký trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh.

Xác định lại giới tính là việc cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền công nhận việc xác định lại giới tính của một người trong trường hợp giới tính của người đó bị khuyết tật bẩm sinh hoặc chưa định hình chính xác mà cần có sự can thiệp của y học nhằm xác định rõ về giới tính theo quy định của Bộ Luật Dân sự.

Xác định lại dân tộc là việc cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền xác định lại dân tộc của người con theo dân tộc của người cha hoặc dân tộc của người mẹ theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Dân sự năm 2005 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hai là, căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi vào sổ hộ tịch các việc: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; hủy việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt nuôi con nuôi.

Như vậy, đăng ký hộ tịch gồm hai nhóm hành vi: Nhóm hành vi xác nhận các sự kiện hộ tịch và nhóm hành vi căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ghi vào Sổ hộ tịch những thay đổi về hộ tịch.

Nghị định 158/2005/NĐ-CP quy định thẩm quyền đăng ký hộ tịch theo nơi cư trú, thì thẩm quyền đăng ký hộ tịch được xác định như sau:

- Đối với công dân Việt Nam ở trong nước, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký hộ khẩu thường trú; nếu không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký tạm trú có thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú, thì việc đăng ký hộ tịch được thực hiện tại nơi người đó đăng ký tạm trú.

Việc đăng ký kết hôn; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định 24/2013/NĐ - CP ngày 28/3/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Như vậy, đăng ký hộ tịch là một hoạt động nằm trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch.

1.1.2.3. Vai trò của quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch và đăng ký hộ tịch

Qua phân tích khái niệm về hộ tịch, đăng ký hộ tịch, từ việc nhận thức tầm quan trọng của công tác hộ tịch mà Nhà nước ta đã đặc biệt quan tâm tới công tác hộ tịch. Mặt khác, xuất phát từ một nội dung, tính chất hộ tịch chúng ta thấy rõ ý nghĩa, vai trò quan trọng, không thể thiếu được của công tác hộ tịch trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân.

Đăng ký và quản lý hộ tịch là một vấn đề quan trọng đối với mỗi cá nhân trong xã hội. Đăng ký hộ tịch thể hiện việc nhà nước công nhận một cá

nhân con người tồn tại với tất cả đầy đủ tính pháp lý của nó. Đối với mỗi cá nhân, đăng ký hộ tịch là cơ sở pháp lý để phân biệt cá nhân này với cá nhân khác thông qua các yếu tố về nhân thân của họ. Đăng ký hộ tịch cũng là căn cứ pháp lý để mỗi cá nhân hưởng các quyền và thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước. Thông qua việc đăng ký hộ tịch, thể hiện sự xác nhận của Nhà nước đối với các sự kiện hộ tịch và Nhà nước có trách nhiệm bảo hộ quan hệ phát sinh từ các sự kiện đó. Mọi hành vi xâm phạm đến quan hệ này sẽ bị Nhà nước áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp. Tuy nhiên để được hưởng quyền bảo hộ thì cá nhân cũng đồng thời phải có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký đó. Mỗi công dân cần tự mình nâng cao ý thức pháp luật của mình trong việc chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện tốt những quy định về hộ tịch. Phần lớn các quyền và nghĩa vụ trong lĩnh vực này cũng là những quyền, nghĩa vụ làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ pháp lý khác.

Cũng trên cơ sở theo dõi biến động về hộ tịch mà các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng chính sách phù hợp dựa trên dân số theo độ tuổi, giới tính nguồn nhân lực từ đó có phân tích đánh giá cụ thể làm cơ sở để hoạch định các chính sách về phát triển kinh tế, văn hoá - xã hội, thể dục thể thao, xây dựng cơ sở y tế, trường học, bố trí giáo viên...; đảm bảo cân bằng giới tính phục vụ an ninh quốc phòng, chăm sóc sức khỏe trong nhân dân, đảm bảo công bằng về giới tính phục vụ an ninh, quốc phòng... Do vậy, đăng ký và quản lý hộ tịch là một nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của cơ quan nhà nước.

Quản lý hộ tịch là phương tiện hữu hiệu để Nhà nước kiểm soát thân trạng của từng công dân, thực trạng mối quan hệ trong từng gia đình. Đăng ký hộ tịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước. Nếu không nắm được những sự kiện về biến động dân cư, về hộ tịch của cộng đồng dân cư nói chung và của từng cá nhân nói riêng thì Nhà nước không thể đưa ra được các biện pháp đúng đắn và phù hợp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân cũng như để quản lý xã hội.

1.2. Nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã.

1.2.1. Nguyên tắc đăng ký, quản lý hộ tịch

Theo Điều 4 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ quy định:

- Mọi sự kiện hộ tịch phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, chính xác;
- Mỗi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một nơi theo đúng thẩm quyền;
- Cơ quan quản lý hộ tịch cấp trên phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo đối với cơ quan quản lý hộ tịch cấp dưới; trường hợp phát hiện thấy sai phạm phải chấn chỉnh, xử lý kịp thời;
- Cơ quan đăng ký hộ tịch phải niêm yết công khai, chính xác các quy định về giấy tờ mà người yêu cầu đăng ký hộ tịch phải xuất trình hoặc nộp khi đăng ký hộ tịch, trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết và lệ phí đăng ký hộ tịch.

Những nguyên tắc trong đảm bảo cho việc đăng ký, quản lý hộ tịch được chính xác, kịp thời, đầy đủ, góp phần bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Bởi vì, thực tế cho thấy, các giấy tờ về hộ tịch nếu trong quá trình thực hiện có sai sót mà không được phát hiện kịp thời sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như khắc phục, sửa chữa sai sót, và đặc biệt sẽ gây ra không ít những phiền hà cho công dân trong việc thống nhất giấy tờ quan trọng khác sau này: Hồ sơ đi học, xin việc làm, xuất cảnh, thậm chí, còn liên quan đến việc xác định độ tuổi để đánh giá năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm pháp lý của từng cá nhân con người ...

1.2.2. Chủ thể thực hiện quản lý, đăng ký hộ tịch

- Ủy ban nhân dân (cấp huyện, cấp xã) và cơ quan chuyên môn giúp việc cho UBND về vấn đề này (Phòng Tư pháp);
- Công chức trực tiếp làm công tác hộ tịch.

Ở cấp xã, chủ thể thực hiện việc đăng ký hộ tịch có:

- Công chức Tư pháp - hộ tịch là công chức cấp xã giúp UBND cấp

xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong đăng ký và quản lý hộ tịch. Đối với

những xã, phường, thị trấn có đông dân cư, số lượng công việc hộ tịch nhiều, thì phải có công chức chuyên trách làm công tác hộ tịch, không kiêm nhiệm các công tác tư pháp khác.

Công chức Tư pháp - hộ tịch phải có đủ các tiêu chuẩn của cán bộ công chức cấp xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và phải có thêm các tiêu chuẩn sau đây:

- + Có bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên;
- + Được bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác hộ tịch;
- + Chữ viết rõ ràng.

Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức Tư pháp-hộ tịch được thực hiện theo quy định chung của pháp luật đối với công chức xã.

1.2.3. Nội dung quản lý của nhà nước đối với hộ tịch.

Nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch tập trung chủ yếu vào các hoạt động: g

- Xây dựng g và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, định hướng về

hoạt động hộ tịch;

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch;
- Thực hiện đăng ký hộ tịch;
- Quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức

trong hoạt động hộ tịch;

- Đào tạo, bồi nghiệp vụ về hộ tịch; dưỡng, hướng dân

- Kiểm tra, thanh tra, khen, giải quyết khiếu nại, thưởng, xử lý vi phạm

tổ cáo trong hoạt động

g hộ tịch;

- Bảo đảm kinh phí , cơ sở vật chất , phương tiện hộ tịch; cho một số hoạt động
- Hợp tác quốc tế về hộ tịch;
- Thống kê nhà nước về hộ tịch;
- Tổng kết hoạt động hộ tịch. g h hộ tịch; báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về

- Chủ tịch UBND cấp xã (hoặc Phó chủ tịch được phân công) thực hiện việc ký các giấy tờ hộ tịch mà công chức Hộ tịch đã tổ chức thực hiện.

1.2.4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trong quản lý về hộ tịch

1.2.4.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đối với UBND cấp xã;
- Thực hiện giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi;
- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho cán bộ Tư pháp - hộ tịch;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Quản lý, sử dụng các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch;
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch, báo cáo UBND cấp tỉnh theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền;
- Quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do UBND cấp xã cấp trái với quy định tại Nghị định 158/2005/NĐ-CP (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình);
- Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương. Trong trường hợp do buông lỏng quản lý mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức trong đăng ký và

quản lý hộ tịch ở địa phương mình, thì Chủ tịch UBND cấp huyện phải chịu trách nhiệm.

1.2.4.2. Trách nhiệm của Phòng Tư pháp cấp huyện

Phòng Tư pháp giúp UBND cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP.

- Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đối với UBND cấp xã;
- Thực hiện giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi;
- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho cán bộ Tư pháp - hộ tịch;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Quản lý, sử dụng các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch;
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ Sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch, báo cáo UBND cấp tỉnh theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do UBND cấp xã cấp trái với quy định tại Nghị định 158/2005/NĐ-CP (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình).

1.2.4.3. Trách nhiệm của UBND cấp xã

*** *Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong quản lý nhà nước về hộ tịch:***

- Thực hiện đăng ký các việc hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP;

- Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Quản lý, sử dụng các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch;
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch báo cáo UBND cấp huyện theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền.
- Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương. Trong trường hợp do buông lỏng quản lý mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương mình, thì Chủ tịch UBND cấp xã phải chịu trách nhiệm.

**** Nhiệm vụ của cán bộ Tư pháp - hộ tịch***

Một trong những nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng của cán bộ Tư pháp - hộ tịch xã trong bộ máy hành chính của UBND cấp xã là giúp UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ đăng ký và quản lý hộ tịch. Trong đăng ký và quản lý hộ tịch, cán bộ Tư pháp - hộ tịch giúp UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Thụ lý hồ sơ, kiểm tra, xác minh và đề xuất với Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, quyết định việc đăng ký hộ tịch theo quy định của Nghị định này;
- Thường xuyên kiểm tra và vận động nhân dân đi đăng ký kịp thời các sự kiện hộ tịch. Đối với những khu vực người dân còn bị chi phối bởi phong tục, tập quán hoặc điều kiện đi lại khó khăn, cán bộ Tư pháp - hộ tịch phải có lịch định kỳ đến tận nhà dân để đăng ký những sự kiện hộ tịch đã phát sinh.

Cán bộ Tư pháp - hộ tịch phải chịu trách nhiệm trước UBND cấp xã về

những sự kiện hộ tịch phát sinh trên địa bàn xã, phường, thị trấn mà không được đăng ký;

- Sử dụng các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Tổng hợp tình hình và thống kê chính xác số liệu hộ tịch để UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Giữ gìn, bảo quản, lưu trữ sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch; khi thôi giữ nhiệm vụ phải bàn giao đầy đủ cho người kế nhiệm.

Lý luận hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch là một nội dung quan trọng. Tìm hiểu kỹ về lý luận sẽ giúp các nhà quản lý có kiến thức cơ bản để hoạch định chính sách và đề ra những văn bản sát với thực tế. Hộ tịch là những vấn đề cơ bản liên quan đến nhân thân của con người. Hộ tịch có những đặc điểm riêng mang tính ổn định tương đối cao. Quản lý nhà nước về hộ tịch có vai trò, nguyên tắc và nội dung cụ thể. Trong đó, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch rất rõ ràng. Quản lý tốt về hộ tịch sẽ là cơ sở hoạch định chiến lược quản lý nhà nước về mọi mặt đời sống xã hội.

1.3.Sự biến đổi của mô hình cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch tại Việt Nam từ năm 1945 đến nay.

1.3.1. Mô hình quản lý hộ tịch ở miền Nam dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa

Sau sự kiện buộc triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước nhượng địa ngày 25/8/1883, để thi hành chính sách thuộc địa và nhằm biến nước ta thành một phần lãnh thổ hải ngoại của nước Pháp, một trong những vấn đề quan tâm hàng đầu của Chính phủ bảo hộ là kiểm soát chặt chẽ dân cư. Cùng với việc thay thế toàn bộ hệ thống pháp luật của triều Nguyễn, thực dân Pháp đã áp dụng ở Nam Kỳ chế độ quản lý hộ tịch theo mô hình của nước Pháp. Chỉ hơn một tháng sau khi Hiệp ước nhượng địa được ký kết, chính quyền thuộc địa

đã ban hành Sắc lệnh ngày 03/10/1883 quy định việc lập sổ hộ tịch cho người Việt Nam. Sắc lệnh ngày 03/10/1883 được coi là nền tảng thiết lập chế độ quản lý hộ tịch ở Việt Nam - thực chất là sự du nhập mô hình quản lý hộ tịch của Pháp. Sắc lệnh này được duy trì trong một thời gian dài, chỉ được sửa đổi hai lần bởi các Sắc lệnh ngày 10/02/1893 và Sắc lệnh ngày 23/7/1931.

Tại miền Bắc, việc quản lý hộ tịch được thực hiện theo quy định từ Điều 18 đến Điều 48 của bộ Dân luật Bắc kỳ ngày 30/3/1931. Tại miền Trung việc quản lý hộ tịch được thực hiện theo quy định từ Điều 18 đến Điều 50 bộ Hoàng Việt Trung Hộ Luật do triều đình nhà Nguyễn ban hành ngày 13/7/1936.

Quản lý hộ tịch được chính quyền thuộc địa sử dụng như một công cụ quan trọng để "*kiểm soát an ninh xã hội*". Chính bởi mục đích này, nên sau khi Pháp rút khỏi miền Nam, đế quốc Mỹ thế chân dựng lên thể chế bù nhìn thì chế độ quản lý hộ tịch cũ vẫn được Chính phủ ngụy quyền Sài Gòn duy trì và sử dụng. Dưới chế độ thực dân mới chính quyền ngụy ban hành số lượng rất lớn văn bản pháp luật quy định chi tiết các vấn đề liên quan đến hộ tịch [15].

Mô hình quản lý, đăng ký hộ tịch thời kỳ Việt Nam Cộng hòa tại miền Nam được cải cách khác hẳn so với mô hình thời thuộc Pháp. Thẩm quyền đăng ký hộ tịch được giao cho viên chức với chức danh chung là hộ lại. Việc tổ chức hệ thống hộ lại của chính quyền ngụy như sau:

- *Có sự phân biệt giữa thẩm quyền của hộ lại ở nông thôn và đô thành:*
 - + Ở nông thôn: đơn vị đăng ký hộ tịch cấp cơ sở là làng xã, xã trưởng giữ nhiệm vụ hộ lại (đến năm 1969, dưới Sắc lệnh ngày 01/4/1969, thành phần Ủy ban hành chính xã được sửa lại, trong đó có lập ra chức danh ủy viên hộ tịch chịu trách nhiệm về công việc này bên cạnh xã trưởng);
 - + Ở các châu thành tỉnh thì tỉnh trưởng giữ nhiệm vụ hộ lại;
 - + Ở Sài Gòn, đô thành được chia làm nhiều đơn vị quận và thị xã, quận

trưởng (đối với quận) là hộ lại, thị trưởng (đối với thị xã) là hộ lại.

Với việc xác định nhiệm vụ đăng ký hộ tịch phải được duy trì thường xuyên, hàng ngày nên cho phép người giữ nhiệm vụ hộ lại ở bất kỳ cấp nào cũng có quyền ủy nhiệm chức vụ cho một viên chức cùng cấp. Tuy nhiên, việc ủy nhiệm này phải thực hiện bằng văn bản. Việc ủy nhiệm này có thể được hộ lại thu hồi bất kỳ lúc nào, và việc ủy nhiệm không làm mất quyền hành động của hộ lại chính thức [16,tr.52]. Với tầm quan trọng của kiểm soát dân cư, nên pháp luật cũng dữ liệu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự rất nặng đối với các hành vi vi phạm của hộ lại [17].

Hộ lại chỉ có thẩm quyền đăng ký hộ tịch trong phạm vi quản hạt của mình và chịu sự quản lý của Chương lý, Biện lý và Tổng trưởng Tư pháp. Với chế độ đăng ký sổ kép, sổ bộ đô hộ lại lập và khóa sổ hàng năm phải được gửi 01 cuốn lên Phòng lục sự của Tòa án sở tại. Biện lý Tòa án sở tại là người có nhiệm vụ kiểm soát việc thiết lập sổ bộ, chứng thư hộ tịch và điều tra, xử lý người vi phạm chế độ quản lý hộ tịch.

1.3.2. Mô hình quản lý hộ tịch của nước ta từ 1945 đến nay

1.3.2.1. Việc duy trì hệ thống quản lý hộ tịch của chế độ cũ tại miền Bắc từ 1945 đến 1954.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong hoàn cảnh chưa thể tập trung xây dựng bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật thống nhất, Chính phủ lâm thời đã rất linh hoạt trong việc áp dụng giải pháp tình thế để quản lý đất nước. Ngày 10/10/1945, sau khi thảo luận thống nhất trong Hội đồng Chính phủ tại phiên họp này 04/10/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh - với tư cách Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ký ban hành Sắc lệnh cho phép tạm thời duy trì hiệu lực các luật lệ của chế độ cũ theo nguyên tắc các luật lệ này chỉ có giá trị thi hành nếu “*không trái với nền độc lập của nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hoà*” [18]. Theo nguyên tắc

chung đó, thể lệ đăng ký hộ tịch đã được quy định trong Hoàng Việt hộ luật (áp dụng ở Trung kỳ), Dân luật Bắc Kỳ (áp dụng ở miền Bắc) vẫn tiếp tục được thi hành trong suốt thời gian hơn 10 năm sau đó, và được cụ thể hóa vào một số Sắc lệnh do Chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành.

Trong giai đoạn này, công tác hộ tịch được coi là một phần của công tác tư pháp (theo nghĩa rộng của khái niệm "tư pháp", bao gồm cả hệ thống điều tra, xét xử, công tố và các việc hành chính tư pháp khác). Do đó, Bộ Tư pháp là cơ quan phụ trách lĩnh vực này. Mô hình quản lý hộ tịch thời kỳ này như sau:

- Ban tư pháp của Ủy ban hành chính xã thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ tịch trong quản hạt (Đây là thời kỳ Ủy ban hành chính xã được giao thực hiện luôn nhiệm vụ tư pháp);
- Tòa sơ thẩm (được lập ở cấp quận, huyện, phủ, châu) được giao nhiệm vụ giải quyết sơ thẩm những việc liên can đến hộ tịch (việc xin khai sinh, tử, giá thú quá hạn, xin sửa chữa giấy khai sinh, tử, giá thú, v.v.) [19].
- Biện lý của Tòa án đệ nhị cấp (được lập ở cấp tỉnh) giữ nhiệm vụ kiểm soát các sổ hộ tịch được lập trong quản hạt [20].
- Việc quản lý các việc hộ tịch đối với kiều bào ở nước ngoài do Phòng Hành chính và kiều dân - là 1 đơn vị của Nội bộ thuộc Bộ Ngoại giao theo dõi, quản lý. Việc đăng ký và giải quyết các sự vụ hộ tịch là trách nhiệm của các đơn vị lãnh sự nước ngoài thuộc Ngoại bộ thuộc Bộ Ngoại giao [21].

1.3.2 2. Mô hình quản lý hộ tịch từ 1956 đến 1987

Sự điều chỉnh pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch của Nhà nước ta được đánh dấu bằng bản Điều lệ đăng ký hộ tịch đầu tiên được ban hành kèm theo Nghị định số 764/TTg ngày 08/5/1956 của Thủ tướng Chính phủ. Bản điều lệ này gồm 34 điều quy định các vấn đề cơ bản về việc đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử, việc sửa chữa và ghi chú các thay đổi về hộ tịch, việc công nhận và đăng ký hộ tịch đối với ngoại kiều và Việt kiều về cư trú ở

trong nước. Các quy định của bản điều lệ đăng ký hộ tịch này đã thay thế toàn bộ các thể lệ đăng ký hộ tịch của chế độ cũ vẫn được áp dụng trước đó. Đây là văn bản đánh dấu quá trình chuyển đổi mô hình quản lý hộ tịch từ hệ thống tư pháp sang Bộ Nội vụ và Ủy ban hành chính các cấp hi thực hiện. Bản Điều lệ này thi hành được 5 năm thì bị bãi bỏ và thay thế bằng bản Điều lệ mới ban hành ngày 16/01/1961 kèm theo Nghị định số 04/CP của Hội đồng Chính phủ. Tuy nhiên, mô hình quản lý, đăng ký hộ tịch vẫn được duy trì, củng cố suốt thời gian này, cụ thể như sau:

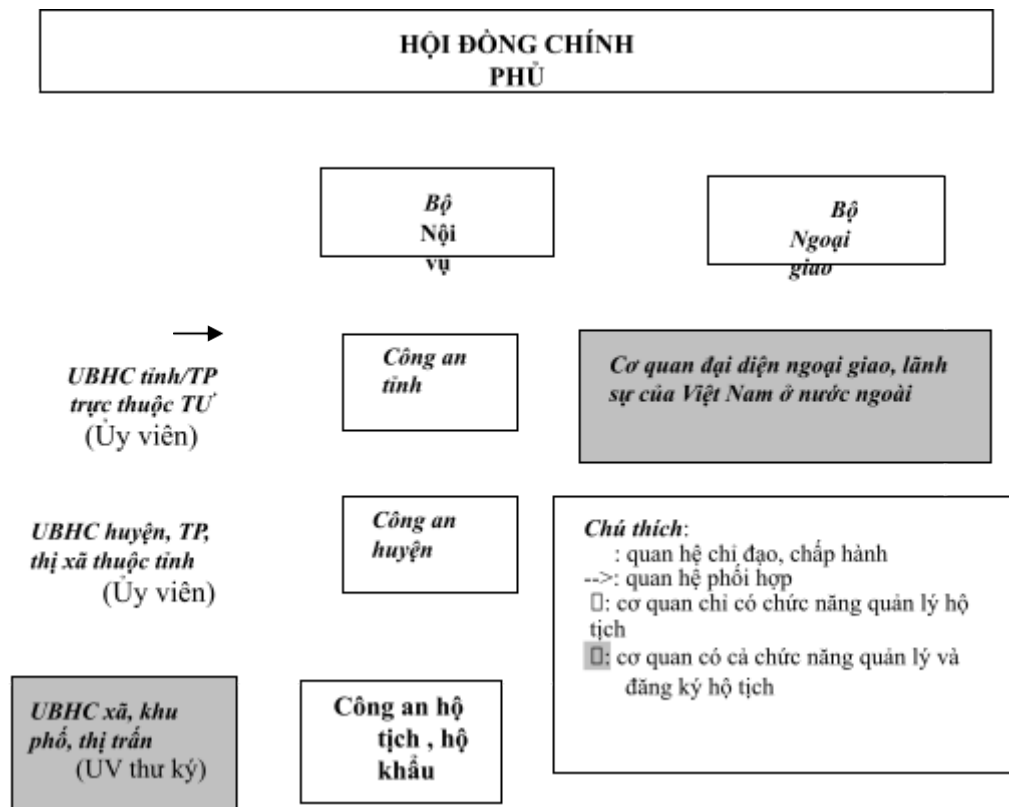
- Ở Trung ương, cơ quan giúp Hội đồng Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch, hộ khẩu là Bộ Nội vụ, trực tiếp là Cục cảnh sát nhân dân được thành lập theo Nghị định số 982-TTg ngày 28/7/1956 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Cục Cảnh sát nhân dân. Tiếp theo Nghị định này, Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Thông tư số 1001/TTg ngày 10/8/1956 về việc tổ chức ngành cảnh sát nhân dân, trong đó đã hình thành lên lực lượng **"cảnh sát hộ tịch"**;

- Nhiệm vụ quản lý hộ tịch ở địa phương được giao cho Ủy ban hành chính các cấp;

- Tại cấp cơ sở - Ủy ban hành chính xã - chức danh chuyên môn đảm nhiệm nhiệm vụ đăng ký, quản lý hộ tịch và hộ khẩu được gọi là "cảnh sát hộ tịch". Đến năm 1957, chức danh này được bổ sung thêm nhiệm vụ cấp giấy chứng minh nhân dân, và được gọi là **"hộ tịch viên"** [22].

Hệ thống cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch trong thời kỳ này có thể được mô hình hóa như sau:

**Sơ đồ 1: Hệ thống cơ quan quản lý hộ tịch theo Thông tư số 01/NV
ngày 11/01/1964 của Bộ Nội vụ**

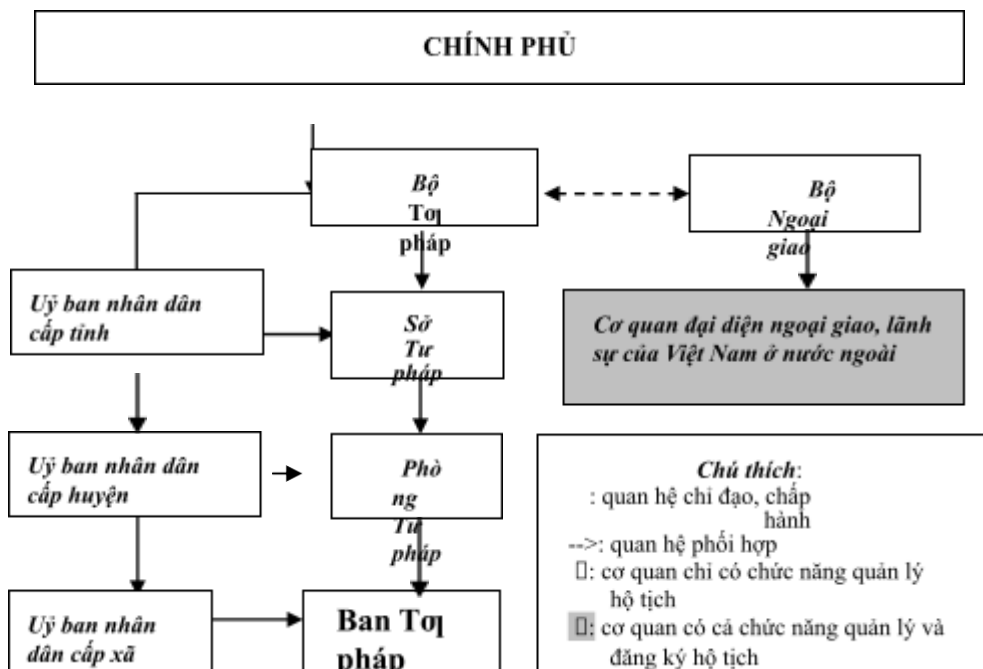


1.3.2.3. Mô hình quản lý hộ tịch từ 1987 đến 2005

Từ năm 1987, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hộ tịch được chuyển giao từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp trên cơ sở Nghị định số 219/HĐBT ngày 20/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng. Từ thời điểm này, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức quản lý về hộ tịch thống nhất trên cả nước, còn ngành Nội vụ (nay là ngành Công an) tiếp tục duy trì chức năng quản lý hộ khẩu và cấp chứng minh nhân dân.

Mô hình quản lý hộ tịch trong giai đoạn này như sau:

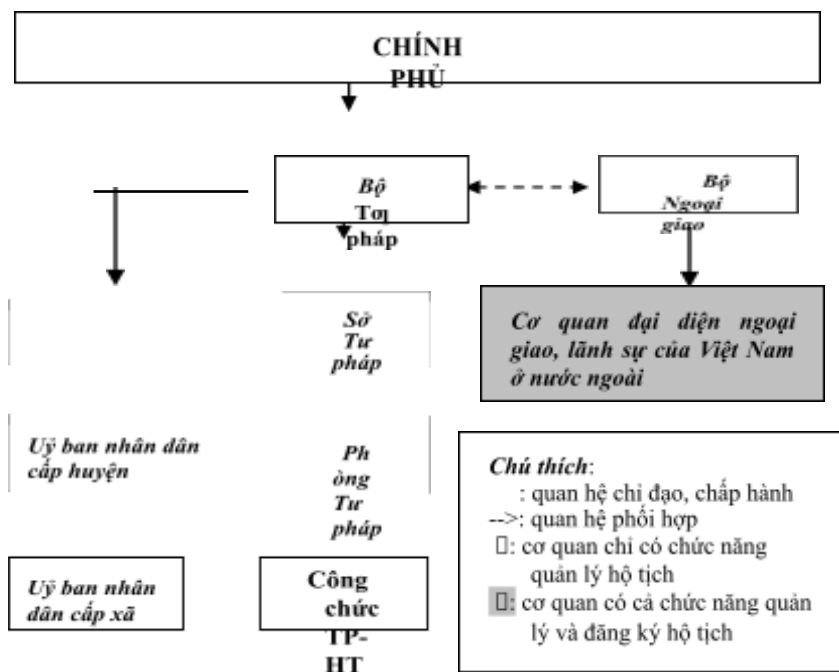
Sơ đồ 2: Hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch Giai đoạn từ 1987 đến 2005



1.3.2.4. Mô hình quản lý hộ tịch từ 2005 đến nay

Ngày 27/12/2005, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 158/2005/NĐ-CP về đăng ký và quản lý hộ tịch thay thế Nghị định 83/1998/NĐ-CP; đồng thời Nghị định số 68/2002/NĐ-CP cũng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006. Với việc ban hành 2 văn bản này, việc phân cấp thẩm quyền đăng ký hộ tịch trong hệ thống cơ quan quản lý hộ tịch lại có những thay đổi đáng kể, nhằm giải phóng vai trò của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khỏi khối lượng công việc sự vụ không phù hợp với chức năng của cơ quan quản lý có thẩm quyền chung cao nhất tại địa phương. Hệ thống tổ chức quản lý hộ tịch theo Nghị định số 158/2005/NĐ-CP/2005 có thể biểu diễn bằng mô hình sau:

Sơ đồ 3: Hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch Giai đoạn từ 2005 đến nay



So với mô hình quản lý hộ tịch theo Nghị định 83/1998/NĐ-CP, điểm khác biệt cơ bản của hệ thống quản lý hộ tịch theo Nghị định 158/2005/NĐ-CP thể hiện rõ ở sự bổ sung thêm chức năng đăng ký hộ tịch cho 2 cơ quan, đó là Sở Tư pháp và UBND cấp huyện. Như vậy, hệ thống quản lý hộ tịch từ chỗ chỉ có 3 cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch (theo Nghị định 83/1998/NĐ-CP) giờ đã gồm 5 cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch. Dựa trên các yếu tố thẩm quyền lãnh thổ và đối tượng đăng ký hộ tịch, thẩm quyền đăng ký hộ tịch của các cơ quan nói trên được phân định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền đăng ký các loại việc hộ tịch phát sinh trên địa bàn xã, bao gồm:

- Đăng ký khai sinh; kết hôn; khai tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn; đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi;

- Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và thực hiện việc bổ sung hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi;

- Căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi vào sổ đăng ký hộ tịch các việc về xác định cha, mẹ, con (trường hợp do Toà án xác định); thay đổi quốc tịch, ly hôn, huỷ việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt nuôi con nuôi;

- UBND các xã thuộc khu vực biên giới còn được phân cấp thẩm quyền đăng ký kết hôn, nhận cha, mẹ con, nuôi con nuôi giữa công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới với công dân nước láng giềng thường trú ở khu vực biên giới với Việt Nam (Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002).

Người thực hiện thẩm quyền đăng ký hộ tịch ở UBND cấp xã là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã được giao phụ trách công tác tư pháp.

b) *Ủy ban nhân dân cấp huyện* có thẩm quyền giải quyết đăng ký hộ tịch đối với các loại việc sau:

- Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên;
- Xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính đối với người đã đăng ký khai sinh trong phạm vi địa hạt huyện đó;
- Bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch đối với mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi;
- Cấp lại bản chính Giấy khai sinh;

c) *Sở Tư pháp thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương* có thẩm quyền đăng ký đăng ký khai sinh, khai tử, giám hộ có yếu tố nước ngoài và ghi chú vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký trước cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài; cấp lại bản chính Giấy khai sinh cho người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài trước đây đã đăng ký khai sinh tại Việt Nam.

d) *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* có thẩm quyền đăng ký 3 loại việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài là: Đăng ký việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi

con

nuôi giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài thường trú tại Việt Nam với nhau.

Người thực hiện thẩm quyền đăng ký hộ tịch của UBND cấp tỉnh là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc Ủy viên UBND cấp tỉnh (đối với UBND cấp tỉnh có cơ cấu Ủy viên) được giao phụ trách công tác hộ tịch. UBND cấp tỉnh không thể ủy quyền cho Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện thẩm quyền đăng ký hộ tịch thay mình.

e) *Cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài có thẩm quyền đăng ký các sự kiện hộ tịch cho công dân Việt Nam ở nước ngoài.*

1.3.3. Một số mô hình quản lý hộ tịch trên thế giới

Hiện nay ngoài Việt Nam trên thế giới có khá nhiều nước có mô hình ***Bộ Tư pháp*** quản lý công tác hộ tịch như Nga, Belarus, Úc, Đông Timor... Bên cạnh đó, còn có các mô hình khác như:

- Mô hình do ***Bộ Nội vụ*** (hoặc Bộ Nội vụ và các vấn đề xã hội) quản lý: Trung Quốc, Đài Loan, Nam Phi.
- Mô hình do ***Tòa án*** thực hiện: Pháp, Hà Lan, Ý.
- Mô hình ***Tổng cục đăng ký*** thuộc ***Văn phòng Thống kê quốc gia***: Là mô hình phổ biến tại Anh, Scotland, Ireland, Mỹ, Ấn Độ, Philippin, Malaysia.
- Mô hình do ***Bộ Phúc lợi xã hội*** quản lý: Đan Mạch.
- Mô hình do ***cơ quan thuế*** quản lý: Thụy Điển.

Kết luận chương 1

Trong chương 1, với đề tài: “*Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, thực tiễn ở huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội*” luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về hộ tịch, đưa ra được khái quát quá trình phát triển của pháp luật về hộ tịch đồng thời đưa ra các khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc của quản lý nhà nước về hộ tịch; các nội dung về quản lý nhà nước về hộ tịch, các mô hình quản lý hộ tịch của nước ta từ năm 1945 đến nay đồng thời qua tìm hiểu một số mô hình quản lý nhà nước về hộ tịch của một số nước trên thế giới để tìm ra những nét tương đồng và khác biệt đối với pháp luật về hộ tịch ở Việt Nam.

Quản lý nhà nước về hộ tịch là công việc thường xuyên của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện để theo dõi thực trạng và sự thay đổi về hộ tịch là phương tiện hữu hiệu để nhà nước quản lý dân cư thông qua việc đăng ký hộ tịch của từng cá nhân công dân, nhà nước xác định được mối quan hệ về quyền và nghĩa vụ của từng công dân đồng thời theo dõi được những thay đổi trong dân cư.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở CẤP XÃ CỦA HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

2.1. Tổng quan về huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Mê Linh là huyện nằm ở phía Bắc của thành phố Hà Nội. Huyện có diện tích đất tự nhiên 14.251 ha, dân số xấp xỉ 193.727 người, có 16 xã và 2 thị trấn. Huyện đang trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hóa nhanh. Mê Linh cũng là huyện đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng chung quy hoạch đô thị Mê Linh đến năm 2020 (tại Quyết định số 208/2004/QĐ-TTg ngày 13/12/2004). Đây là điều kiện cơ bản để huyện Mê Linh phát triển kinh tế - xã hội.

Theo điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thủ đô Hà Nội được Thủ Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011: *Đối với huyện Mê Linh: Khu vực đô thị và công nghiệp cơ bản được giữ nguyên theo Quy hoạch cũ, diện tích có phần thu hẹp hơn; Phần còn lại là khu vực nông nghiệp nông thôn kỹ thuật cao và du lịch sinh thái, vành đai xanh.*

Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong huyện đã nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tốc độ phát triển kinh tế hàng năm tăng 20,8%, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 25,1%/năm, dịch vụ tăng trên 15,6%/năm, nông nghiệp tăng 1,7%/năm. Cơ cấu các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp - xây dựng - nông nghiệp - dịch vụ. Công tác xây dựng cơ bản được quan tâm đầu tư, nhiều công trình quan trọng được xây dựng và đưa vào sử dụng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, đặc biệt là các công trình dân sinh bức xúc. Thu ngân sách tăng cao (bình quân tăng 42,9%/năm). Chi ngân sách tăng bình quân mỗi năm 33%, trong đó thực hiện

chi ngân sách tiết kiệm, ưu tiên chi đầu tư phát triển, có trọng tâm, trọng điểm, đúng chương trình mục tiêu. Huyện đã thu hút được 339 dự án, tổng diện tích đất được phê duyệt là 2.334 ha, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt trên 39 nghìn tỷ đồng, trên 363 triệu USD.

Công tác quy hoạch: UBND huyện đã hoàn thiện báo cáo đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; lập quy hoạch nghĩa trang trên toàn bộ các xã; thực hiện quy hoạch 2 thị trấn Quang Minh, Chi Đông tỷ lệ 1/2000; đang triển khai thực hiện: Quy hoạch chi tiết thủy lợi huyện Mê Linh giai đoạn 2010 đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển giáo dục - đào tạo trên địa bàn huyện Mê Linh giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020; Quy hoạch, tôn tạo, trùng tu di tích lịch sử văn hoá huyện Mê Linh đến năm 2015; Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011- 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2015 của huyện Mê Linh; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Mê Linh đến năm 2020 tầm nhìn 2030; Quy hoạch vùng trồng hoa, cây cảnh, quy hoạch thương mại;

Lĩnh vực văn hoá – xã hội được huyện quan tâm đầu tư. Các trường học được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố hoá, xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; chất lượng giáo dục mũi nhọn và giáo dục toàn diện có tiến bộ. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, chất lượng khám chữa bệnh được nâng cao (có 15 Trạm xá xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia). Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giải quyết việc làm, xóa đói, giảm nghèo: Bình quân hàng năm giải quyết việc làm cho 2.000 lao động; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1,27%. Toàn huyện đã xây dựng được 499 nhà Đại đoàn kết và nhà cho hộ nghèo, sửa chữa và xây mới 175 nhà tình nghĩa với kinh phí trên 6,1 tỷ đồng. Hệ thống các thiết chế văn hoá từ huyện đến cơ sở từng bước được quan tâm đầu tư.

Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được quan tâm, chỉ đạo. Tỷ lệ giải quyết đơn thư của công dân cấp huyện và cấp xã đạt trên 80%. Các vụ việc phức tạp, đông người đã được xử lý kịp thời

vì vậy không tạo thành các "điểm nóng". An ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, an ninh nông thôn cơ bản ổn định.

Để phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong những năm tới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IX (nhiệm kỳ 2015 – 2020) nhấn mạnh là tiếp tục đổi mới, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong công tác xây dựng Đảng, gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy Đảng và chất lượng đội ngũ Đảng viên; năng lực quản lý, hiệu quả điều hành của chính quyền, chất lượng hoạt động của Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân. Huy động, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Tiếp tục đầu tư hạ tầng kỹ thuật then chốt, hoàn thành xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện gắn với duy trì, thực hiện có hiệu quả trật tự văn minh đô thị. Tăng cường quản lý đất đai, trật tự xây dựng và quản lý đô thị. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác giáo dục – đào tạo. Tích cực chăm lo phát triển văn hóa, xã hội, giải quyết tốt các vấn đề dân sinh bức xúc, đảm bảo an sinh xã hội. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu Diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Với truyền thống đoàn kết, thống nhất, với phương châm “Đổi mới và trách nhiệm”, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Mê Linh quyết tâm phấn đấu, hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra.

2.2. Hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

2.2.1. Hoạt động ban hành văn bản quản lý nhà nước đối với hộ tịch.

Để việc đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn huyện được thực hiện

đúng các quy định của pháp luật, UBND huyện hàng năm đều ban hành kế hoạch trọng tâm công tác tư pháp như Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 20/01/2012 của UBND huyện về trọng tâm công tác tư pháp trên địa bàn huyện năm 2012; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 15/01/2013 của UBND huyện về trọng tâm công tác tư pháp trên địa bàn huyện năm 2013; Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 08/01/2014 của UBND về trọng tâm công tác tư pháp trên địa bàn huyện năm 2014, nhằm củng cố và nâng cao vai trò, trách nhiệm của ngành Tư pháp từ huyện đến cơ sở trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn huyện. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch vững mạnh theo hướng nâng cao đạo đức công vụ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác tư pháp để phục vụ một cách hiệu quả những nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội của huyện; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các ngành các cấp về công tác tư pháp; đảm bảo triển khai thực hiện một cách đồng bộ, có hiệu quả công tác tư pháp trên địa bàn huyện trong đó có công tác hộ tịch để UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện, trong đó có công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. UBND huyện yêu cầu làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật đăng ký và quản lý hộ tịch. Thực hiện tốt đăng ký và quản lý hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo đúng quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP và Thông tư hướng dẫn số 01/2008/TT-BTP về hướng dẫn thi hành, trong đó công tác đăng ký khai sinh, khai tử đạt 98 % trở lên đăng ký đúng hạn. Chỉ đạo ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục cải tiến phong cách, lề lối làm việc của cán bộ Tư pháp - hộ tịch, chuyên viên của Phòng Tư pháp, đáp ứng các việc về hộ tịch đạt 100%. Về thẩm quyền, giao cho Phòng Tư pháp tăng cường kiểm tra, hướng dẫn ủy ban nhân dân các xã, thị trấn giải quyết các việc về đăng ký và quản lý hộ tịch, kịp thời giải quyết các vướng mắc trong tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác hộ tịch các xã, thị trấn, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ, tập huấn về hộ tịch, quản lý, sử dụng cấp phát các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch do Bộ Tư pháp phát hành đúng quy định.

2.2.2. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ

Trong những năm qua cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn luôn quan tâm đến công tác Tư pháp- hộ tịch, đến nay có 14/18 xã, thị trấn bố trí 02 công chức Tư pháp - hộ tịch có đủ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có khả năng nắm bắt và giải thích những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền. Hội đồng tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và đội ngũ tuyên truyền viên thường xuyên được củng cố kiện toàn, chất lượng chuyên môn công tác Tư pháp - hộ tịch của UBND các xã, thị trấn đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn các xã, thị trấn.

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật UBND các xã, thị trấn đã quan tâm chỉ đạo công chức Tư pháp xã tham mưu xây dựng Kế hoạch tuyên truyền pháp luật sát với tình hình thực tế của địa phương. Luôn duy trì Hội đồng phối hợp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật của UBND xã từ 9 đến 11 thành viên. Quan tâm đầu tư kinh phí chi cho công tác tuyên truyền pháp luật theo quy định, qua các hội nghị tập huấn; ngoài ra ở các thôn, tổ dân phố, được chủ động lồng ghép đa dạng với các hình thức như: Họp sinh hoạt các đoàn thể nhân dân, sinh hoạt chi bộ, chi hội... Bên cạnh đó UBND các xã, thị trấn đã thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính về hộ tịch tại bộ phận một cửa, bố trí công chức Tư pháp - hộ tịch làm tốt công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

Tủ sách pháp luật của các UBND các xã, thị trấn được quản lý và khai thác sử dụng có hiệu quả, hiện nay có xã đã có khoảng 250 đầu sách pháp luật, phục vụ tốt cho việc nghiên cứu tìm hiểu pháp luật của cán bộ và nhân dân. Việc thực hiện mở sổ để theo dõi quản lý tủ sách pháp luật theo quy định, việc phân loại sắp xếp các loại sách khoa học thành 4 loại sách gồm:

Các Bộ luật, Luật; Pháp lệnh; sách tham khảo, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ; công báo, báo chí. Hàng năm, tủ sách pháp luật của các xã, thị trấn trên toàn huyện được mua bổ sung các đầu sách pháp luật mới, phục vụ tốt cho cán bộ và nhân dân tới tìm đọc.

Đối với công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn đã thường xuyên triển khai tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong nhân dân các quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về Đăng ký và quản lý hộ tịch; Nghị định 06/NĐ-CP ngày 02/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân gia đình và chứng thực để nhân dân trong xã, thị trấn biết và thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về đăng ký hộ tịch.

Nhận thức được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác Tư pháp - hộ tịch trong việc phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội và giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn xã, thị trấn, trong thời gian qua cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn thuộc huyện Mê Linh đã tăng cường quan tâm củng cố công tác tư pháp bằng việc: Cử và tạo điều kiện cho công chức Tư pháp - hộ tịch xã, thị trấn được theo học các lớp đào tạo và quản lý nhà nước, các lớp tại chức tại trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia, Học viện Hành chính; giới thiệu công chức Tư pháp - hộ tịch xã tham gia Ban chấp hành Đảng uỷ xã nhiệm kỳ 2015-2020.

Trong thời gian qua, đã chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ hoà giải cho đội ngũ hòa giải viên ở các tổ hòa giải ở các thôn, tổ dân phố trong xã, thị trấn. Tăng cường củng cố và kiện toàn đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, phối hợp Mặt trận Tổ quốc cùng các ban, ngành đoàn thể trong xã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong các hội, đoàn thể quần chúng nhân dân, khẳng định vị trí của công tác Tư pháp - hộ tịch cơ sở trong việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, thị trấn.

Hàng năm, UBND các xã, thị trấn đã chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp với các trường học trong xã, thị trấn đưa giáo dục pháp luật vào trường học. Mỗi quý một lần, các xã, thị trấn mời báo cáo viên, phối hợp với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức buổi học Pháp luật có nội dung phong phú, dễ hiểu để các em tiếp thu và thực hiện, nâng cao kiến thức pháp luật của mình như Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Giao thông đường bộ, Luật Phòng chống HIV ...

2.2.3. Hoạt động đăng ký hộ tịch

Theo báo cáo tổng kết hàng năm của Phòng tư pháp huyện Mê Linh, việc tổ chức thực hiện đăng ký hộ tịch trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện Mê Linh từ 2010 đến năm 2014 như sau:

*** Năm 2010**

- Đăng ký khai sinh: 5.396 trường hợp (Nam 2.778, Nữ 2618) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 4.176 trường hợp;
 - + Quá hạn: 62 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc sinh: 1.258 trường hợp.
- Đăng ký khai tử: 986 (Nam 533, Nữ: 453) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 889 trường hợp;
 - + Quá hạn: 43 trường hợp;
 - + Đăng ký lại: 54 trường hợp;
 - + Theo độ tuổi: Dưới 1 tuổi: 06 trường hợp; Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi: 05 trường hợp; Từ 5 tuổi trở lên: 976 trường hợp.
- Đăng ký kết hôn: 1.802 đôi, trong đó:
 - + Kết hôn lần đầu: 1.759 đôi;
 - + Kết hôn lần hai trở lên: 43 đôi.
- Nuôi con nuôi: 03 trường hợp;
- Thay đổi hộ tịch : 46 trường hợp;

- Cải chính hộ tịch : 63 trường hợp;
- Điều chỉnh hộ tịch: 03 trường hợp;
- Bổ sung hộ tịch: 08 trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 22 trường hợp, trong đó con chưa thành niên nhận cha, mẹ: 20 còn con đã thành niên nhận cha,mẹ: 02;
- Giám hộ: 02 trường hợp;
- Xác nhận tình trạng hôn nhân: 1.625 trường hợp:
 - + Để kết hôn với người Việt Nam ở trong nước: 1623 (Nam: 81, Nữ: 1.542);
 - + Để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 02 trường hợp.

*** Năm 2011**

- Đăng ký khai sinh: 5.502 trường hợp (Nam 2.926, Nữ 2.576) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 4.218 trường hợp;
 - + Quá hạn: 52 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc sinh: 1.232 trường hợp.
- Đăng ký khai tử: 976 (Nam 512, Nữ: 462) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 881 trường hợp;
 - + Quá hạn: 37 trường hợp;
 - + Đăng ký lại: 58 trường hợp;
 - + Theo độ tuổi: Dưới 1 tuổi: 05 trường hợp; Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi: 02 trường hợp; Từ 5 tuổi trở lên: 969 trường hợp.
- Đăng ký kết hôn: 1.865 đôi, trong đó:
 - + Kết hôn lần đầu: 1.829 đôi.
 - + Kết hôn lần hai trở lên: 36 đôi;
- Nuôi con nuôi: 04 trường hợp;
- Thay đổi hộ tịch : 51 trường hợp;

- Cải chính hộ tịch : 45 trường hợp;
- Điều chỉnh hộ tịch: 0 trường hợp;
- Bổ sung hộ tịch: 13 trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 28 trường hợp, trong đó con chưa thành niên nhận cha, mẹ: 27 trường hợp. Con đã thành niên nhận cha, mẹ: 01 trường hợp;
- Giám hộ: 0 trường hợp
- Xác nhận tình trạng hôn nhân: 1.725 trường hợp:
 - + Để kết hôn với người Việt Nam ở trong nước: 1724 (Nam: 86, Nữ: 1.638).
 - + Để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 01 trường hợp;

*** Năm 2012**

- Đăng ký khai sinh: 5.742 trường hợp (Nam 2.926, Nữ 2.816) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 4.395 trường hợp;
 - + Quá hạn: 52 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc sinh: 1.295 trường hợp.
- Đăng ký khai tử: 985 (Nam 524 , Nữ: 461) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 908 trường hợp;
 - + Đăng ký quá hạn: 29 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc tử: 48 trường hợp;
 - + Theo độ tuổi: Dưới 1 tuổi: 1 trường hợp; Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi: 03 trường hợp; Từ 5 tuổi trở lên: 981 trường hợp.
- Đăng ký kết hôn: 1.936 đôi, trong đó
 - + Kết hôn lần đầu: 1.905 đôi
 - + Kết hôn lần hai trở lên: 31 đôi.
- Nuôi con nuôi: 03 trường hợp;
- Thay đổi hộ tịch : 47 trường hợp;

- Cải chính hộ tịch : 52 trường hợp;
- Điều chỉnh hộ tịch: 0 trường hợp;
- Bổ sung hộ tịch: 18 trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 24 trường hợp, trong đó con chưa thành niên nhận cha, mẹ: 23 trường hợp; con đã thành niên nhận cha, mẹ: 01 trường hợp;
- Giám hộ: 2 trường hợp;
- Xác nhận tình trạng hôn nhân: 1.796 trường hợp:
 - + Để kết hôn với người Việt Nam ở trong nước: 1.793 (Nam: 97, Nữ: 1.696).
 - + Để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 03 trường hợp.

*** Năm 2013**

- Đăng ký khai sinh: 5.942 trường hợp (Nam 3.031, Nữ 2.911) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 4.568 trường hợp;
 - + Quá hạn: 72 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc sinh: 1.302 trường hợp;
- Đăng ký khai tử: 1.024 (Nam 555 , Nữ: 469) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 906 trường hợp;
 - + Quá hạn: 54 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc tử: 64 trường hợp;
 - + Theo độ tuổi: Dưới 1 tuổi: 2 trường hợp; Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi: 05 trường hợp; Từ 5 tuổi trở lên: 1.017 trường hợp.
- Đăng ký kết hôn: 1.939 đôi, trong đó
 - + Kết hôn lần đầu: 1.898 đôi;
 - + Kết hôn lần hai trở lên: 41 đôi.
- Nuôi con nuôi: 02 trường hợp;
- Thay đổi hộ tịch : 42 trường hợp;

- Cải chính hộ tịch : 48 trường hợp;
- Điều chỉnh hộ tịch: 02 trường hợp;
- Bổ sung hộ tịch: 26 trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 31 trường hợp, trong đó con chưa thành niên nhận cha, mẹ: 29 trường hợp; con đã thành niên nhận cha, mẹ: 02 trường hợp;
- Giám hộ: 1 trường hợp;
- Xác nhận tình trạng hôn nhân: 1.891 trường hợp:
 - + Để kết hôn với người Việt Nam ở trong nước: 1.886 (Nam: 101, Nữ: 1.785).
 - + Để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 05 trường hợp.

*** Năm 2014**

- Đăng ký khai sinh: 6075 trường hợp (Nam 3.205, Nữ 2.870) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 4.646 trường hợp;
 - + Quá hạn: 72 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc sinh: 1.357 trường hợp.
- Đăng ký khai tử: 1.054 (Nam 555 , Nữ: 499) trong đó:
 - + Đăng ký đúng hạn: 931 trường hợp;
 - + Quá hạn: 54 trường hợp;
 - + Đăng ký lại việc tử: 69 trường hợp;
 - + Theo độ tuổi: Dưới 1 tuổi: 05 trường hợp; Từ 1 tuổi đến dưới 5 tuổi: 05 trường hợp; Từ 5 tuổi trở lên: 1.044 trường hợp.
- Đăng ký kết hôn: 1.857 đôi, trong đó:
 - + Kết hôn lần đầu: 1.898 đôi;
 - + Kết hôn lần hai trở lên: 41 đôi.
- Nuôi con nuôi: 02 trường hợp;
- Thay đổi hộ tịch : 50 trường hợp;

- Cải chính hộ tịch : 54 trường hợp;
- Điều chỉnh hộ tịch: 05 trường hợp;
- Bổ sung hộ tịch: 08 trường hợp;
- Nhận cha, mẹ, con: 26 trường hợp, trong đó con chưa thành niên nhận cha, mẹ: 24 trường hợp; con đã thành niên nhận cha, mẹ: 02 trường hợp;
- Giám hộ: 0 trường hợp
- Xác nhận tình trạng hôn nhân: 1.891 trường hợp
 - + Để kết hôn với người Việt Nam ở trong nước: 1.887 (Nam: 101, Nữ: 1.786).
 - + Để kết hôn với người nước ngoài tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 04 trường hợp [23] .

2.2.4. Hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện quản lý hộ tịch.

Đây là một nội dung quan trọng đã được cấp uỷ, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm chỉ đạo sát sao, bằng văn bản cụ thể để triển khai tổ chức thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hàng năm đối với các xã, thị trấn nhằm phát hiện những thiếu sót trong quản lý nhà nước về hộ tịch ở cơ sở, từ đó để nâng cao vai trò trách nhiệm của tập thể, cá nhân người đứng đầu ở chính quyền các xã, thị trấn nói chung của công chức Tư pháp - hộ tịch nói riêng trong thực hiện đăng ký và quản lý hộ tịch thuộc thẩm quyền. Do vậy những năm qua công tác đăng ký và quản lý hộ tịch của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mê Linh đều được đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tư pháp- hộ tịch.

Cụ thể, năm 2013, Phòng Tư pháp huyện Mê Linh đã kiểm tra công tác tư pháp năm 2013 (kèm theo có lịch kiểm tra) và văn bản số 08/UBND-TP ngày 06/01/2013 của UBND huyện Mê Linh về việc chấm điểm thi đua công tác tư pháp cơ sở để Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ vào đó để làm ngày một tốt hơn công tác tư pháp, trong đó có công tác hộ tịch.

UBND huyện Mê Linh (chủ trì là Phòng Tư pháp huyện) kiểm tra công tác tư pháp năm 2013 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện với 7 tiêu chí với tổng số điểm 100 điểm:

- Về công tác tổ chức: 12 điểm;
- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: 15 điểm;
- Công tác hộ tịch : 25 điểm;
- Công tác chứng thực: 18 điểm;
- Công tác hòa giải: 12 điểm;
- Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật: 12 điểm;
- Công tác tư pháp khác: 6 điểm.

UBND thị trấn Quang Minh đã được UBND huyện Mê Linh đánh giá là tốt 88/100 điểm. Trong đó điểm đạt được trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch là 23/25 (đăng ký đúng thẩm quyền, các sự kiện về hộ tịch được đăng ký đúng hạn, đều được vào sổ và lưu trữ hồ sơ đầy đủ, sử dụng biểu mẫu và sổ lưu đúng quy định ...).

2.2.5. Tổ chức bộ máy quản lý hoạt động đăng ký hộ tịch

Huyện có 18 đơn vị hành chính gồm 16 xã và 2 thị trấn, đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch 18 xã, thị trấn có 18 đồng chí có trình độ chuyên môn cử nhân Luật, 05 đồng chí có bằng trung cấp Luật, còn lại có bằng Đại học. Đến nay trên địa bàn huyện có 14 xã bố trí 02 công chức Tư pháp - hộ tịch gồm thị trấn Quang Minh, thị trấn Chi Đông, xã Tráng Việt, xã Tiên Phong, xã Đại Thịnh, xã Mê Linh, xã Thạch Đà, xã Tam Đồng, xã Văn Khê, xã Liên Mạc, xã Tự Lập, xã Tiến Thịnh, xã Tiến Thắng, xã Thanh Lâm, còn lại xã Vạn Yên, xã Hoàng Kim chưa bố trí được hai công chức tư pháp, xã Chu Phan và xã Kim Hoa đang hợp đồng tư pháp để chờ thi tuyển.

Nhìn chung đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch cơ bản ổn định, được đào tạo về chuyên môn, yêu nghề có tinh thần trách nhiệm trong công việc,

luôn tu dưỡng rèn luyện. Hiện có 03 đồng chí đang học Cao học Luật, có 04 đồng chí đang theo học Đại học tại chức Luật và học văn bằng hai về chuyên ngành Luật.

2.3. Đánh giá chung về thành tựu cùng những hạn chế

2.3.1. Những thành tựu đạt được

Thứ nhất, hầu hết UBND các xã, thị trấn đều quan tâm, lãnh đạo sát sao công tác đăng ký, quản lý hộ tịch.

UBND các xã, thị trấn đăng ký với Phòng Tư pháp huyện để được cấp các loại sổ sách, biểu mẫu giấy tờ đúng với yêu cầu, quy định của Bộ Tư pháp ban hành. Nơi lưu trữ sổ sách và các hồ sơ về hộ tịch được bố trí khoa học, ngăn nắp, thuận lợi cho công tác tra cứu, sao lục khi cần.

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của tư pháp được bố trí đảm bảo cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch. Công chức Tư pháp-Hộ tịch thường xuyên được cử đi bồi dưỡng, tập huấn do tư pháp cấp trên tổ chức. Tư pháp cấp xã đã tham mưu cho UBND cùng cấp tiếp nhận và giải quyết hầu hết các loại việc đăng ký hộ tịch đúng thẩm quyền, giải quyết kịp thời các yêu cầu của công dân.

UBND xã, thị trấn chỉ đạo nghiêm túc đầy đủ, kịp thời, khoa học các thủ tục hành chính tại bộ phận “một cửa” tất cả các thủ tục hành chính về hộ tịch: Trình tự, thẩm quyền, thời gian và lệ phí về hộ tịch đúng quy định pháp luật, thuận lợi cho nhân dân khi có yêu cầu giải quyết các thủ tục hành chính.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch được quan tâm.

Xác định công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hộ tịch có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Để thực hiện tốt công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, trước hết phải làm cho cán bộ và nhân dân hiểu biết về mục đích, ý nghĩa của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch; quyền và nghĩa vụ công dân về đăng ký

hộ tịch. Vì vậy, UBND huyện tổ chức hội nghị triển khai và tổ chức các lớp tập huấn Luật Nuôi con nuôi năm 2010; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và năm 2014; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005; Thông tư 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005; Nghị định 06/NĐ-CP ngày 02/02/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân gia đình và chứng thực đến lãnh đạo UBND, cán bộ Tư pháp - hộ tịch các xã, thị trấn trên toàn huyện với 600 đại biểu tham dự hàng năm.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật lồng ghép thông qua các hội nghị bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú như thông qua các hội thi Hộ tịch viên giỏi theo kế hoạch của Thành phố và Ủy ban nhân dân huyện tổ chức, thu hút hàng ngàn người tham gia. Đây cũng là một hình thức tuyên truyền về hộ tịch rất hiệu quả trên địa bàn huyện. Phòng Tư pháp huyện cấp phát hơn 150 tài liệu cho UBND các xã, thị trấn làm tài liệu tuyên truyền. Việc tuyên truyền về hộ tịch còn được thực hiện thông qua các Tủ sách pháp luật được đặt tại UBND các xã, thị trấn để nhân dân tự tìm hiểu pháp luật nói chung và hộ tịch nói riêng. Đồng thời lập chuyên mục tuyên truyền trên hệ thống Đài truyền thanh từ huyện đến xã để người dân hiểu và tự giác thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra về đăng ký và quản lý hộ tịch được thực hiện đúng theo quy định.

Công tác thanh tra, kiểm tra được coi là nhiệm vụ thường xuyên có tính chất quyết định, do vậy hàng năm Phòng Tư pháp huyện với chức năng, nhiệm vụ được quy định đã tiến hành xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở các xã, thị trấn. Chính việc thanh tra, kiểm tra đã đưa công tác này vào nề nếp, việc quản lý nhà nước về

hộ tịch ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện được thực hiện nghiêm túc, qua đó còn kịp thời phát hiện và chấn chỉnh thiếu sót, góp phần đưa công tác đăng ký và quản lý hộ tịch theo đúng Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ và Nghị định 06/NĐ-CP đạt kết quả cao. Hàng năm, theo đánh giá của UBND thành phố Hà Nội (qua cơ quan chuyên môn là Sở Tư pháp) Mê Linh là huyện có nhiều kết quả tích cực.

Thực hiện công tác cải cách hành chính đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính của UBND thành phố, các xã, thị trấn trong huyện Mê Linh những năm qua đều được niêm yết đầy đủ, công khai các thủ tục hành chính hộ tịch về trình tự, thời gian và lệ phí đúng quy định. Theo Bộ thủ tục của thành phố Hà Nội hiện có 23 thủ tục hành chính về hộ tịch. Mọi công dân khi đến đăng ký hộ tịch đều được cán bộ Tư pháp - hộ tịch hướng dẫn cụ thể, đảm bảo đầy đủ và chính xác. Việc đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, cho nhận con nuôi; thay đổi, cải chính hộ tịch... được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định; hạn chế tình trạng đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn...

Thứ tư, UBND các xã, thị trấn đã thực hiện tốt tổng hợp số liệu thống kê hộ tịch báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, cả năm theo đúng quy định. Tất cả báo cáo về hộ tịch đều được thực hiện theo đúng mẫu quy định của Bộ Tư pháp. Do vậy, công tác quản lý nhà nước về hộ tịch những năm qua trên địa bàn huyện được thực hiện đảm bảo về nội dung theo quy định.

Số liệu thống kê hộ tịch được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 73 Nghị định 158/2005/NĐ-CP, đó là số liệu thống kê hộ tịch phải được lập (theo mẫu quy định) theo định kỳ 6 tháng và 01 năm. Nhìn chung những năm qua số liệu thống kê về hộ tịch của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện được thực hiện đảm bảo chính xác về nội dung và thời hạn, thời gian theo quy định.

Thứ năm, công tác lưu trữ sổ sách được thực hiện tốt

Các loại sổ, biểu mẫu dùng để đăng ký hộ tịch được sử dụng đúng mẫu Bộ Tư pháp ban hành, các xã, thị trấn sử dụng sổ kép (sổ đăng ký khai sinh,

kết hôn và khai tử). Cuối năm, thực hiện khóa sổ (ghi rõ vào trang cuối sổ tổng số trang, tổng số sự kiện hộ tịch đã đăng ký, trong đó có ghi bao nhiêu trường hợp đăng ký lại, đăng ký quá hạn, bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ); đóng giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ theo đúng quy định và chuyển lưu 01 quyển đến UBND huyện thực hiện lưu trữ theo quy định.

Chữ viết trong sổ hộ tịch rõ ràng, dễ đọc, cùng một màu mực; sổ lưu và hồ sơ lưu về đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, đăng ký lại việc sinh, thay đổi, cải chính hộ tịch được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp ngăn nắp, khoa học thuận lợi cho công tác tra cứu, sao lục khi cần. Hồ sơ được sắp xếp theo nội dung hộ tịch và theo năm.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác hộ tịch, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở cấp xã trên địa bàn huyện Mê Linh còn một số hạn chế sau:

Thứ nhất, tình trạng đăng ký hộ tịch quá hạn vẫn còn.

Trong những năm qua, bên cạnh số lượng đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn vẫn còn tồn tại một số đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn.

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định 158/NĐ-CP thì: “*Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho con; nếu cha, mẹ không thể đi đăng ký khai sinh thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi đăng ký khai sinh cho trẻ em*” nhưng trên thực tế vẫn còn những trường hợp khai sinh quá thời gian trên.

Ví dụ: Tại xã Đại Thịnh năm 2012 có 7 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2013 có 4 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2014 có 2 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn;

Tại thị trấn Quang Minh năm 2011 có 3 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2012 có 2 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2013 có

1 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn;

Tại xã Thạch Đà năm 2010 có 4 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2011 có 3 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2012 có 6 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn;

Tại xã Chu Phan năm 2012 có 3 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2013 có 4 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn; năm 2014 có 6 trường hợp đăng ký khai sinh quá hạn.

Theo quy định tại Điều 20 Nghị định 158/NĐ-CP thì: Thời hạn đăng ký khai tử là 15 ngày kể từ ngày chết. Tuy nhiên trên thực tế những trường hợp chết mà không có chế độ gì thì người nhà của người chết không đi khai tử ngay mà khi đi khai tử thì đã quá thời hạn theo quy định.

Ví dụ: Tại xã Tráng Việt năm 2010 có 10 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2011 có 12 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2012 có 8 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn;

Tại xã Tiền Phong năm 2012 có 05 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2013 có 05 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2014 có 07 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn;

Tại xã Tiến Thắng năm 2012 có 05 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2013 có 07 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2014 có 07 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn;

Tại thị trấn Chi Đông năm 2010 có 6 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2011 có 07 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn; năm 2014 có 6 trường hợp đăng ký khai tử quá hạn.

Bên cạnh đó, một số bệnh viện khi có người chết, cấp Giấy báo tử cho người chết thì người nhà của người chết lại hiểu đó là Giấy chứng tử hợp pháp nên đã không ra UBND xã để đăng ký khai tử. Những việc này đã ảnh hưởng đến thi hành pháp luật về hộ tịch của chính quyền địa phương.

Thứ hai, sai sót về ghi chép.

Còn một số xã, cán bộ Tư pháp – hộ tịch ghi không đủ nội dung, dữ kiện trong mẫu giấy tờ hộ tịch và sổ hộ tịch có sẵn như: Nơi sinh trong giấy khai sinh chỉ ghi địa danh xã, còn viết tắt; trong sổ hộ tịch thì không ghi tên, chức vụ của người ký cấp giấy tờ hộ tịch, họ tên, chữ ký của cán bộ Tư pháp - hộ tịch và không có chữ ký của người đi khai sinh; cột ghi chú không ghi đăng ký quá hạn, đăng ký lại, ghi chưa chính xác về quan hệ giữa người đi khai với người được đăng ký sự kiện hộ tịch; khi tẩy xóa, sửa chữa không thực hiện việc ghi chú và đóng dấu theo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 69 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ;

Khi xác nhận nội dung trong giấy tờ hộ tịch như giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, tờ khai đăng ký kết hôn.. không ghi rõ chức danh của người ký cấp giấy xác nhận mà chỉ có chữ ký và đóng dấu. Một số trường hợp đăng ký lại việc sinh không có xác nhận của UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây về việc sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đã bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.

Thứ ba, lưu trữ sổ sách chưa khoa học.

Việc lưu trữ sổ sách hộ tịch có một số xã chưa khoa học, không lưu riêng biệt từng trường hợp đăng ký hộ tịch, loại việc đăng ký hộ tịch; một số trường hợp chỉ lưu bản phô tô Quyết định cho phép thay đổi cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch...Việc này cần lưu giấy tờ, hồ sơ riêng biệt từng trường hợp đăng ký và đánh số đúng theo số đăng ký trong sổ đăng ký hộ tịch để tiện lợi cho việc quản lý.

Thứ tư, đăng ký hộ tịch còn dễ dãi, thực hiện cải cách hành chính về hộ tịch còn chưa tốt.

Đăng ký sự kiện hộ tịch chỉ dựa vào lời khai của người đi khai mà không yêu cầu cung cấp đủ giấy tờ theo quy định để chứng minh sự kiện hộ tịch là có thật.

Có những trường hợp phức tạp, do quen biết, nể nang, sợ dân phản ánh nên không đi thực tế xác minh làm rõ mà vẫn ký cấp, suy cho cùng đã làm hợp thức hóa cái sai của họ thành cái đúng. Khi giải quyết hồ sơ thay đổi, cải chính hộ tịch cán bộ Tư pháp – hộ tịch chưa kiểm tra, xem xét kỹ các hồ sơ xin thay đổi, cải chính hộ tịch đã trình Chủ tịch UBND ký Quyết định cho phép thay đổi, nhất là những trường hợp cải chính tên và chữ đệm dẫn đến công dân lợi dụng việc cải chính để hợp thức hóa giấy tờ cá nhân vì mục đích khác.

Một số xã chưa kịp thời niêm yết công khai thủ tục, trình tự đăng ký sự kiện hộ tịch mới bổ sung tại trụ sở UBND cấp xã. Sách báo tuyên truyền pháp luật do cấp trên phát không để nơi người dân dễ đọc và tìm hiểu mà để trong tủ khóa lại. Hệ thống loa truyền thanh của một số cụm trong một số xã, thị trấn hỏng chưa được sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời nên ảnh hưởng một phần đến công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

2.3.2.2. Những nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, nguyên nhân từ hệ thống pháp luật về hộ tịch.

Không đồng bộ về cấp độ giữa văn bản pháp luật về hộ tịch với văn bản pháp luật khác có liên quan đến lĩnh vực hộ tịch.

Hiện tại, trong hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực nhân thân con người thì văn bản điều chỉnh trực tiếp chỉ ban hành dừng ở cấp độ Nghị định, còn một số lĩnh vực khác liên quan đến quản lý con người (có liên quan mật thiết tới lĩnh vực hộ tịch) hầu hết ban hành ở cấp độ luật như: Luật Nuôi con nuôi, Luật Quốc tịch, Luật Lý lịch tư pháp, Luật Cư trú, Luật Hôn nhân và Gia đình...Chính từ sự không cân bằng về cấp độ văn bản (giữa một bên là các quy định của luật, với một bên là các quy định của nghị định) đã dẫn đến việc làm giảm hiệu lực thi hành của các văn bản pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch. Thậm chí, có văn bản ở cấp độ ngành có liên quan đến lĩnh

vực hộ tịch mà có quy định khác với các văn bản pháp luật về hộ tịch, thì các

quy định của pháp luật về hộ tịch trong trường hợp này cũng không thực hiện, mà chỉ được thực hiện theo quy định riêng của ngành đó.

Ví dụ: Về xác nhận tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị C, là sĩ quan công tác tại Công an thành phố N muốn đăng ký kết hôn. Theo Luật Cư trú, chị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh. Chị C xin Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân ở thị trấn Quang Minh, nhưng UBND thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh không cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân vì cho rằng theo Điều 18 Nghị định 158/2005/NĐ-CP quy định Thủ tục đăng ký kết hôn: *“Đối với cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang, thì thủ trưởng đơn vị của người đó xác nhận tình trạng hôn nhân.”* Trong khi Luật Cư trú tại khoản 2 Điều 16 quy định: *“Nơi cư trú của sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, công nhân, viên chức Công an nhân dân là nơi đơn vị của người đó đóng quân, trừ trường hợp họ có nơi cư trú theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này.”*

Tại khoản 1 Điều 66 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP quy định thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân *“Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cư trú của người có yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người đó”*. Như vậy, theo Luật Cư trú thì chị C có quyền yêu cầu UBND thị trấn Quang Minh cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, còn theo Nghị định 158/2005/NĐ-CP thì đơn vị nơi chị C công tác sẽ xác nhận tình trạng hôn nhân của chị C.

Mặt khác, do các văn bản pháp luật về hộ tịch mới dừng lại ở cấp độ Nghị định, nên mọi vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung pháp luật về hộ tịch hoàn toàn phải phụ thuộc và tuân theo các quy định ở các văn bản ở cấp độ luật chuyên ngành khác.

Trong quá trình thực hiện chức năng quản lý và đăng ký hộ tịch, ngoài việc phải phụ thuộc quá nhiều vào các văn bản pháp luật chuyên ngành khác, thì bản thân lĩnh vực hộ tịch cũng tương đối nhiều văn bản điều chỉnh lĩnh vực hộ tịch.

Tính phức tạp này xuất phát từ đặc thù của lĩnh vực hộ tịch, cùng một loại việc hộ tịch nhưng chủ thể đăng ký khác nhau lại do các văn bản khác nhau điều chỉnh. (Ví dụ: Kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau được thực hiện theo quy định tại của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005, nhưng nếu kết hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài thì việc kết hôn này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hôn nhân gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002).

Nhiều trường hợp cải chính họ tên, chữ đệm và các nội dung khác trong Giấy khai sinh là để hợp pháp hóa hồ sơ hiện tại do công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trước đây còn lỏng lẻo, do người dân chưa hiểu biết quy định pháp luật về hộ tịch nên nếu không thụ lý giải quyết thì công dân khó khăn trong việc phải thay đổi tất cả các loại giấy tờ tùy thân. Nếu cho phép cải chính thì không đảm bảo nguyên tắc của Nghị định 158/ 2005/ NĐ-CP: “ Mọi giấy tờ đều phải phù hợp giấy khai sinh”.

Việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân có nhiều nơi tạm trú khác nhau còn gặp nhiều khó khăn do không đủ điều kiện, thời gian để xác minh. Mặc dù có văn bản hướng dẫn cho phép công dân viết cam đoan và chịu trách nhiệm hoàn toàn về tình trạng hôn nhân của mình về các giai đoạn trước đó nhưng do khi đi đã cắt hộ khẩu, khi về mới nhập lại mà trông

hộ khẩu ghi rõ thời gian cắt đi nên khi cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân UBND các xã, thị trấn không ghi đầy đủ các giai đoạn cho công dân.

Nghị định 158/ 2005/ NĐ-CP chưa quy định cụ thể như: Được cấp lại mấy lần bản chính Giấy khai sinh, nội dung xác nhận thay đổi, cải chính hộ tịch...

Việc đăng ký lại việc sinh theo quy định tại Điều 46 của Nghị định 158/2005/NĐ-CP, chỉ giải quyết trong trường hợp sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được. Về thủ tục, trong trường hợp xuất trình được bản sao khai sinh hợp lệ thì không cần phải có xác nhận của UBND cấp xã, nơi đăng ký khai sinh trước đây. Như vậy, nếu công dân xin đăng ký lại tại nơi thường trú hiện tại để đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 46 của Nghị định 158/2005/NĐ-CP thì cán bộ Tư pháp – hộ tịch phải trực tiếp đi xác minh hoặc gửi công văn đề nghị xác minh sẽ không đảm bảo về thời gian và kinh phí thực hiện.

Về thời hạn giải quyết: Việc cấp bản sao hộ tịch quy định phải thực hiện trong ngày, nhưng trên thực tế không đáp ứng được do điều kiện công tác của lãnh đạo địa phương và số lượng công dân đến làm các thủ tục về tư pháp ngày càng tăng. Mặt khác, việc cấp bản chính giấy khai sinh từ Sổ lưu đăng ký hộ tịch còn khó khăn do nhận chuyển giao Sổ lưu hộ tịch từ Sở Tư pháp chỉ có từ năm 1990 đến nay, vì vậy đối với nhu cầu cấp lại bản chính Giấy khai sinh từ năm 1990 trở về trước thì phải mất nhiều thời gian xác minh, yêu cầu UBND cấp xã cung cấp thông tin và xác nhận mới cấp được bản chính. Việc lưu trữ không cẩn thận, bảo quản không tốt nên hiện nay nhiều sổ rách nát, nhiều trang không sử dụng được nên nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu cấp giấy tờ hộ tịch cho công dân.

Chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch theo Nghị định số 110/2010/NĐ-CP còn thấp, mặt khác nếu thực hiện xử phạt thường thì rơi vào các đối tượng nghèo,

đôi tượng chính sách... sẽ dẫn đến người dân không thực hiện việc đăng ký khai sinh cho đứa trẻ.

Hai là, những nguyên nhân từ sự yếu kém trong năng lực quản lý về đăng ký, quản lý hộ tịch.

Bên cạnh nguyên nhân về mặt pháp luật, thì còn có nguyên nhân đó là việc thiếu hụt đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch cả về số lượng và chất lượng.

Cán bộ Tư pháp – hộ tịch ngoài nhiệm vụ đăng ký hộ tịch còn phải thực hiện chứng thực theo Nghị định 79/2007/ NĐ-CP. Tuy các xã, thị trấn đều bố trí được 02 cán bộ làm công tác tư pháp nhưng khối lượng công việc ngày càng nhiều, số trẻ em được khai sinh hàng năm tăng mà không phải cán bộ Tư pháp – hộ tịch nào cũng tốt nghiệp chuyên ngành luật, do vậy đã ảnh hưởng đến công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

Hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý hộ tịch cấp xã. Trong thời gian qua, tuy lực lượng công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã đã được tăng cường về số lượng và chất lượng, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay do phải thực thi nhiều nhiệm vụ. Một khó khăn nữa đối với đội ngũ công chức quản lý hộ tịch cấp xã là ngoài nhiệm vụ giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý và đăng ký hộ tịch, họ còn phải đảm nhận nhiều công việc khác nhau (theo thống kê thì cán bộ Tư pháp - hộ tịch phải đảm nhiệm 12 đầu việc). Ngoài nhiệm vụ về đăng ký hộ tịch được quy định ra, công chức Tư pháp - hộ tịch còn phải thực hiện các việc khác theo quy định của pháp luật như: Chứng thực, hòa giải, trợ giúp pháp lý, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, rà soát, ban hành văn bản quy phạm pháp luật... cùng các việc khác do Ủy ban nhân dân giao, chính vì vậy, họ không đủ thời gian để tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ hộ tịch được giao.

Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BNV-BTP quy định cán bộ Tư pháp - hộ tịch cấp xã tham mưu giúp cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức

thực hiện 12 nhiệm vụ, quyền hạn. Đến nay số đầu việc cán bộ Tư pháp- hộ tịch cấp xã phải thực hiện hơn 12 đầu việc.

Việc tìm hiểu và nghiên cứu các văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực hộ tịch gặp nhiều khó khăn (do mặt bằng trình độ cán bộ quản lý hộ tịch ở 18 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Mê Linh là không đồng đều). Mặt khác, vào các đợt bầu cử đầu nhiệm kỳ hoặc trong nhiệm kỳ do chuyển công tác sắp xếp cán bộ, do công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ kế cận còn chưa được coi trọng, nên khi phát triển, bổ sung một cán bộ Tư pháp - hộ tịch vào vị trí lãnh đạo thì sẽ bị thiếu nguồn cán bộ Tư pháp - hộ tịch bổ sung kịp thời đáp ứng ngay yêu cầu chất lượng công việc ngày càng cao, số lượng công việc ngày càng nhiều... Từ đó dẫn đến việc áp dụng sai pháp luật đồng thời cũng dẫn đến tình trạng áp dụng pháp luật về hộ tịch không thống nhất. Cùng một sự kiện hộ tịch những việc giải quyết không giống nhau.

Ba là, tính chưa hợp lý của hệ thống tổ chức các cơ quan đăng ký hộ tịch.

Về hệ thống cơ quan đăng ký hộ tịch ở nước ta có ở 3 cấp: Tỉnh, huyện, xã. Ở tại mỗi cấp thực hiện thẩm quyền đăng ký một số loại việc hộ tịch nhất định. Chính việc dàn trải thẩm quyền đăng ký hộ tịch ở cả 3 cấp (tỉnh, huyện, xã) đã không tạo nên đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, nhất là cấp tỉnh và huyện. Do vừa phải đảm nhận cả hai nhiệm vụ là vừa thực hiện nhiệm vụ quản lý hộ tịch, vừa thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ tịch đã ảnh hưởng nhiều đến công tác quản lý, kiểm tra hướng dẫn nghiệp vụ hộ tịch cho cấp xã, vì công chức tư pháp hộ tịch cấp xã hiện nay phải thực hiện hơn 12 đầu việc chính.

Đội ngũ công chức của Phòng Tư pháp huyện Mê Linh được chỉ tiêu theo biên chế gồm 7 người (hiện có 01 Trưởng phòng, 02 Phó phòng và 4 chuyên viên), trong khi đó theo chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tư pháp được quy định tại Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND

huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Thông tư Liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28/4/2009 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện và công tác Tư pháp của UBND cấp xã thì nhiệm vụ của Phòng Tư pháp gồm trên 20 đầu việc chính, ngoài ra còn phải thực hiện các việc khác do UBND huyện giao.

Bốn là, cơ sở vật chất, kinh phí cấp cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch chưa được quan tâm kịp thời.

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của nhiều xã phòng làm việc còn chật hẹp, thiếu trang thiết bị nên chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của người dân và còn ảnh hưởng đến chất lượng công tác này.

Kinh phí phục vụ cho công tác đăng ký quản lý hộ tịch, công tác phổ biến giáo dục pháp luật chưa được quy định cụ thể (cân đối ngân sách) nên lúng túng khi thực hiện. Bên cạnh đó do việc cung cấp biểu mẫu, sổ sách chưa kịp thời (do công tác in, ấn) nên có trường hợp cứ khai sinh mà chưa có sổ để vào sổ. Khi nào có sổ thì vào sau nên dẫn đến việc bỏ quên, bỏ sót hoặc vào thiếu chính xác.

Phân tích đầy đủ thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn của UBND các xã, thị trấn trên của huyện Mê Linh là cơ sở định hướng cho các nhà quản lý của huyện quan tâm, tăng cường chỉ đạo công tác về hộ tịch trong thời gian tới. Việc ban hành văn bản phù hợp với thực tế, điều kiện của UBND các xã, thị trấn ở huyện Mê Linh là nhân tố đầu tiên giúp công tác này đạt hiệu quả cao. Bên cạnh đó là công tác phổ biến giáo dục pháp luật, thường xuyên hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện. Đặc biệt công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra được thường xuyên đã giúp UBND kịp thời khắc phục những sai sót, tạo điều kiện và lòng tin cho nhân dân khi đến xã, thị trấn đăng ký hộ tịch.

Kết luận chương 2

Thông qua việc tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện Mê Linh qua đó đưa ra những đặc điểm cơ bản về việc áp dụng pháp luật về quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn huyện. Luận văn đã dành chương 2 để tìm hiểu về thực trạng quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Luận văn đã đánh giá các hoạt động của công tác quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã trên địa bàn huyện Mê Linh đã đạt nhiều kết quả quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch ở huyện Mê Linh nói riêng có những hạn chế nhất định do những nguyên nhân khách quan đã gây ảnh hưởng đến kết quả, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch. Ngoài những nguyên nhân chung dẫn đến những hạn chế bất cập trong quản lý nhà nước về hộ tịch ở huyện Mê Linh có những nguyên nhân đặc thù như nguyên nhân về mặt nhận thức, nguyên nhân do chưa chú trọng công tác cải cách, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và công tác quản lý hộ tịch ở một số xã còn hạn chế.

Trước các yêu cầu của cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và hội nhập quốc tế thì tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch ở Việt Nam nói chung và ở huyện Mê Linh nói riêng là một tất yếu khách quan.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘ TỊCH Ở CẤP XÃ, QUA THỰC TIỄN HUYỆN MÊ LINH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Từ quan điểm phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người là mục đích cao nhất của mọi hoạt động, coi nguồn lực con người là quý báu nhất, có vai trò quyết định đối với sự phát triển nhanh và bền vững, với tính cách là một hoạt động thể hiện tập trung chức năng xã hội của nhà nước đối với công dân – cần được đổi mới tích cực và bám sát các mục tiêu trong chiến lược phát triển con người của Việt Nam. Huyện Mê Linh trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, công tác quản lý hộ tịch phải được phát huy hiệu quả tương xứng với vị trí, vai trò quan trọng của nó trong hoạt động quản lý con người.

3.1. Mục tiêu, yêu cầu đối với quản lý nhà nước về hộ tịch trong tiến trình cải cách hành chính, cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.

3.1.1. Mục tiêu của quản lý nhà nước về hộ tịch

Thứ nhất, bảo đảm tính đồng bộ về cấp độ và tính đồng bộ giữa văn bản pháp luật về hộ tịch với các văn bản pháp luật chuyên ngành khác, tránh tình trạng trùng lặp và chồng chéo thậm chí là mâu thuẫn lẫn nhau;

Thứ hai, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch trong việc thi hành pháp luật về áp dụng pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch;

Thứ ba, giúp người dân dễ dàng tiếp cận các quy định của pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch, góp phần nâng cao ý thức thi hành pháp luật về hộ tịch, qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;

Thứ tư, hoàn thiện các trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch, bảo đảm tính minh bạch, công khai góp phần tích cực vào tiến trình cải cách thủ tục hành chính của Đảng và Nhà nước.

3.1.2. Yêu cầu quản lý nhà nước về hộ tịch

Quản lý nhà nước về hộ tịch cần đáp ứng những yêu cầu sau:

Một là, đảm bảo tính kịp thời.

Mọi sự kiện hộ tịch phát sinh trong đời sống xã hội phải được cán bộ tư pháp - hộ tịch đăng ký và quản lý trong thời hạn pháp luật quy định đối với từng loại việc, hạn chế tối đa tình trạng đăng ký quá hạn hoặc không đăng ký hộ tịch. Suốt một thời gian dài trước đây việc bảo đảm tính kịp thời trong đăng ký và quản lý hộ tịch chưa được quan tâm đúng mức, mà biểu hiện cụ thể là tình trạng đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn.

Việc đăng ký và quản lý kịp thời mọi sự kiện hộ tịch vừa đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người dân, vừa phục vụ cho công tác thống kê hộ tịch. Số liệu thống kê hộ tịch là nguồn thông tin vô cùng quý giá đối với nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, do đó, việc cung cấp số liệu thống kê hộ tịch kịp thời từ cấp xã tới Trung ương có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, tính kịp thời của công tác quản lý hộ tịch chỉ có thể đạt được khi người dân có ý thức tự giác trong việc thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ đăng ký hộ tịch, đồng thời cán bộ tư pháp – hộ tịch phải có ý thức trách nhiệm trong việc chủ động theo dõi, nắm vững các sự kiện hộ tịch phát sinh tại địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đăng ký hộ tịch;

Hai là, đảm bảo tính đầy đủ.

Đây là một yêu cầu quan trọng gắn liền với yêu cầu về tính kịp thời. Yêu cầu đặt ra là việc quản lý nhà nước trên từng loại việc hộ tịch: khai sinh, khai tử, kết hôn, nuôi con nuôi, cải chính hộ tịch, thay đổi hộ tịch, cải chính, xác nhận tình trạng hôn nhân...dù ở đô thị hay nông thôn. Thực tế hiện nay cho thấy hiệu quả quản lý hộ tịch vẫn chưa đồng đều giữa các loại việc hộ tịch. Tại nhiều xã, phường, thị trấn hoạt động đăng ký khai sinh và đăng ký kết hôn được quan tâm thực hiện khá tốt nhưng hoạt động khai tử và một số

việc hộ tịch khác lại chưa được quan tâm đúng mức. Đến nay tại nhiều xã, ý thức khai tử và một số việc hộ tịch khác lại chưa được quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, tình trạng đăng ký khai sinh quá hạn và chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn vẫn có thể tiếp tục phát sinh, gây tác động không nhỏ đến mục tiêu quản lý đầy đủ mọi sự kiện hộ tịch.

Trong nghiệp vụ đăng ký hộ tịch, yêu cầu về tính đầy đủ còn đòi hỏi công chức quản lý hộ tịch khi thực hiện đăng ký bất kỳ sự kiện hộ tịch nào cũng phải ghi đầy đủ các thông tin cần thiết vào các cột, mục tương ứng trong sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch, làm cơ sở cho việc tra cứu về sau dễ dàng, thuận tiện; đồng thời phải chấp hành nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý hộ tịch bằng “sổ kép”, theo đó, mỗi sự kiện hộ tịch phải được đăng ký cùng lúc hai bộ sổ;

Ba là, đảm bảo tính chính xác khách quan.

Đăng ký hộ tịch phải phản ánh chính xác, trung thực sự kiện hộ tịch xảy ra trên thực tế, hạn chế tối đa tình trạng sai sót khi đăng ký hộ tịch do lỗi vô ý của cán bộ tư pháp- hộ tịch hoặc người đi đăng ký hộ tịch. Nghiêm cấm việc cố ý đăng ký hộ tịch hoặc cấp giấy tờ hộ tịch không đúng sự thật.

Trước đây, do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của việc bảo đảm chính xác, khách quan trong đăng ký hộ tịch, nên có tình trạng người dân vì muốn cho con đi học sớm đã tìm mọi cách để được cấp bản sao giấy khai sinh có thông tin về năm sinh sai lệch so với bản chính. Hoặc hiện tượng Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp xã tự ý cấp bản sao giấy khai sinh mà không thông qua việc tra cứu sổ hộ tịch của công chức quản lý hộ tịch. Những hiện tượng vi phạm tính chính xác, khách quan trong đăng ký hộ tịch nêu trên có thể dẫn tới những hệ quả phức tạp về sau nếu các giấy tờ như học bạ, hộ khẩu...của cá nhân có những thông tin sai lệch so với giấy khai sinh;

Bốn là, nâng cao tính chủ động của cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch.

Cơ quan quản lý hộ tịch các cấp cần nhận thức quản lý hộ tịch là nhiệm

vụ quan trọng của chính quyền và phải thường xuyên nắm vững tình hình hộ tịch tại địa bàn quản lý của mình, từ đó chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý hộ tịch.

Cơ quan tư pháp các cấp phải chủ động phát huy vai trò tham mưu giúp UBND cùng cấp thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hộ tịch, kịp thời đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình địa phương. Cơ quan quản lý cấp trên phải thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc phát sinh đối với cơ quan cấp dưới.

Đối với UBND cấp xã, công chức Tư pháp - hộ tịch cần chủ động theo dõi tình hình phát sinh các sự kiện hộ tịch trên địa bàn để thực hiện việc đăng ký kịp thời, đầy đủ;

Năm là, đảm bảo yêu cầu của pháp chế.

Việc đăng ký hộ tịch phải thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục, trình tự theo quy định tại các văn bản pháp luật về hộ tịch. Cơ quan đăng ký hộ tịch phải nắm vững và vận dụng chính xác các quy định pháp luật đúng đối tượng đăng ký hộ tịch;

Sáu là, đảm bảo yêu cầu về cải cách hành chính.

Cán bộ có trách nhiệm đăng ký hộ tịch phải tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể dễ dàng, thuận lợi trong việc đến đăng ký hộ tịch, tuyệt đối không được yêu cầu người dân phải nộp hoặc xuất trình các loại giấy tờ không có trong quy định của pháp luật.

Yêu cầu cải cách hành chính đồng thời cũng đòi hỏi cán bộ Tư pháp - hộ tịch cấp xã phải rèn luyện, nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp hóa.

3.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch ở cấp xã trong giai đoạn hiện nay

3.2.1. Nhóm các giải pháp chung

Đất nước ta trong quá trình mở cửa và hội nhập, về đối nội thực hiện cải cách bộ máy nhà nước và dân chủ hóa trong toàn xã hội; trong đó hệ thống

pháp luật nói chung và hộ tịch nói riêng, từng bước được xây dựng theo hướng mở rộng dân chủ về quyền nhân thân của mọi công dân, bởi vì đăng ký hộ tịch phát sinh từ quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp. Giải pháp này không chỉ áp dụng cho quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã của huyện Mê Linh, mà còn là giải pháp quan trọng để hoàn thiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi cả nước nói chung.

Ngày 20/11/2014 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Hộ tịch (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2016*). Luật Hộ tịch được ban hành đáp ứng những yêu cầu sau:

Thứ nhất, quán triệt sâu sắc chủ trương của Đảng và Nhà nước trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đây chính là sự thể hiện một bước quan trọng tinh thần chỉ đạo đã được nêu tại Nghị quyết số 48-NQ/TW và Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách pháp luật và cải cách tư pháp.

Thứ hai, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong việc thực thi và bảo vệ quyền cơ bản của công dân (theo hướng các vấn đề liên quan đến quyền công dân đều phải được luật hóa).

Thứ ba, tạo hành lang pháp lý quan trọng để cơ quan quản lý nhà nước thực thi một cách có hiệu quả, nhất là đối với quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch, tạo tiền đề để tăng cường và củng cố hệ thống các cơ quan quản lý về đăng ký hộ tịch từ Trung ương đến cơ sở, nâng cao chất lượng đăng ký hộ tịch.

Thứ tư, tạo cơ sở pháp lý cao để từng bước ứng dụng công nghệ tin học trong lĩnh vực hộ tịch, xây dựng phần mềm quản lý hộ tịch thống nhất trong phạm vi cả nước và cùng với hệ cơ sở dữ liệu dân cư tạo nên sự kết nối, từ đó đáp ứng cao nhất các yêu cầu của quản lý xã hội, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các dữ liệu hộ tịch, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng cũng như yêu cầu hội nhập quốc tế.

Luật Hộ tịch là đạo luật trực tiếp liên quan đến phạm trù quyền con người, quyền công dân, thể hiện tập trung và sinh động mối quan hệ giữa nhà nước và công dân. Thông qua hoạt động quản lý hộ tịch có thể đánh giá việc thực hiện chức năng xã hội và bản chất dân chủ của Nhà nước. Quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa đặt ra hai yêu cầu cơ bản đối với Nhà nước: *Một là*, tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật thể hiện ý chí chung và đảm bảo đầy đủ các quyền công dân của nhân dân lao động; *hai là*, mở rộng dân chủ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Luật Hộ tịch sẽ góp phần làm rõ bản chất dân chủ của Nhà nước và pháp luật Việt Nam, còn có ý nghĩa nhân văn sâu sắc ở chỗ, nó tạo cho mọi người dân những cơ hội ngang nhau trong việc thụ hưởng tốt nhất dịch vụ đăng ký hộ tịch trong một nền hành chính phục vụ.

Luật Hộ tịch không chỉ thiết lập các nguyên tắc cơ bản của hoạt động quản lý hộ tịch mà còn ấn định những cách thức, thủ tục để các cơ quan hành chính phục vụ quyền đăng ký hộ tịch của người dân, sẽ là biểu hiện cao độ của việc chăm lo chu đáo đến quyền lợi của người dân, sẽ loại trừ được những những nhiễu loạn tính bản phát, tiêu cực trong đăng ký hộ tịch (đặc biệt là đăng ký hộ khẩu) hiện nay.

Luật Hộ tịch sẽ nâng tầm công tác quản lý hộ tịch hiện nay theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp hoá góp phần giải quyết một cách toàn diện các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý hộ tịch như: Phương thức quản lý hộ tịch và việc ứng dụng công nghệ thông tin, xác lập hệ thống dữ liệu thông tin hộ tịch; hệ thống tổ chức quản lý hộ tịch; cơ chế quản lý, khai thác dữ liệu thông tin về hộ tịch phục vụ cho hoạt động quản lý kinh tế - xã hội.

Luật về hộ tịch góp phần hoàn thiện hoạt động quản lý dân cư của Nhà nước theo hướng chuyển từ cơ chế quản lý phân lập thành ba lĩnh vực hộ tịch, hộ khẩu và dân số hiện nay sang cơ chế quản lý dân cư tích hợp thống nhất cả ba lĩnh vực trên.

3.2.2. Nhóm các giải pháp cụ thể đối với huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Thứ nhất, nâng cao năng lực bộ máy đăng ký, quản lý hộ tịch

Trong xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung và xây dựng đội ngũ cán bộ công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã nói riêng phải luôn nắm vững quan điểm, nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng. Nhất là những quan điểm về xây dựng đội ngũ cán bộ được xác định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khóa VIII; Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa IX về "Đổi mới và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn", theo đó cần:

Một là, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức bộ máy quản lý hộ tịch trong hệ thống quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời xây dựng mối quan hệ đoàn kết, phối hợp giữa các tổ chức dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, chi bộ cơ sở; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng vào phục vụ dân, sát với dân, được dân tin cậy;

Hai là, thực hành dân chủ thực sự trong các tổ chức quản lý hộ tịch của hệ thống hành chính ở địa phương, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên cơ sở thực hiện quyền dân chủ trực tiếp, phát huy quyền dân chủ đại diện.

Quy định cụ thể việc thực hiện quyền của dân giám sát tổ chức và cán bộ công chức Tư pháp - hộ tịch ở cơ sở và thay thế người không đủ tín nhiệm. Phát huy dân chủ phải đi liền với củng cố và nâng cao kỷ luật, kỷ cương theo pháp luật;

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức Tư pháp - hộ tịch ở cấp xã có năng lực tổ chức và vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, công tâm thảo việc, tận tụy với dân, biết phát huy sức dân, không tham nhũng, không gây phiền hà, sách nhiễu khi tiếp công dân;

Huyện ủy cần chỉ đạo thực hiện phân cấp quản lý cán bộ, đảng viên, xây dựng quy hoạch cán bộ cho các giai đoạn 2015-2020 từ huyện đến cơ sở.

Công tác tổ chức cán bộ tư pháp còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu, việc xây dựng quy hoạch, đào tạo cán bộ thiếu đồng bộ, chưa tạo được nguồn cán bộ trẻ, cán bộ quản lý giỏi, cán bộ nữ... Trình độ của đội ngũ cán bộ hộ tịch còn nhiều bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới .

Qua thực trạng đội ngũ cán bộ công chức Tư pháp - hộ tịch cấp xã ở huyện Mê Linh hiện nay cho thấy: Nhìn chung trình độ năng lực còn nhiều hạn chế, bất cập so với đòi hỏi của nhiệm vụ. Cần đổi mới quan điểm đánh giá cán bộ, tránh hình thức, chỉ căn cứ vào quá trình công tác, tuổi tác, bằng cấp; không hẹp hòi, định kiến về lý lịch gia đình và thành phần xuất thân của cán bộ; phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của địa phương; lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của từng chức danh làm căn cứ nhận xét, đánh giá và lấy tiêu chuẩn cán bộ làm chuẩn mực. Có như vậy, mới khắc phục được tình trạng cảm tính "thích" hay "không thích" của một số cá nhân có thẩm quyền đánh giá, nhận xét cán bộ, mới hạn chế được tình trạng "yêu nên tốt, ghét nên xấu" vẫn thường xảy ra trước đây.

**** Giải pháp cụ thể:***

Xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm cho hoạt động tư pháp (về con người và cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng công việc);

Có kế hoạch cụ thể và quy hoạch cán bộ (chú ý đào tạo nguồn cán bộ cho công tác tư pháp hộ tịch) cho từng giai đoạn 5 năm;

Xây dựng kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại thường xuyên cho cán bộ làm công tác hộ tịch cấp xã;

Khi thi tuyển công chức làm công tác hộ tịch cần chú ý nhiều đến khả năng nắm bắt, tuyên truyền, vận động, có trình độ quản lý nhà nước và chuyên môn vững, phù hợp.

Thứ hai, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ

Thực tế cho thấy dù lý luận có hoàn đến đâu, nếu không làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thì kết quả việc thực thi và chấp hành pháp luật sẽ rất hạn chế. Do vậy, để làm tốt công tác này, thời gian tới cần quan tâm chú ý:

Bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hoạt động tư pháp cấp xã.

Trong điều kiện các nhiệm vụ tư pháp cấp xã ngày càng mở rộng và tăng cường, việc bố trí kinh phí, cơ sở vật chất để đội ngũ cán bộ tư pháp cấp xã có thể triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao là rất cần thiết. Tuy nhiên, thực tế trong thời gian qua cho thấy, việc bố trí kinh phí và cơ sở vật chất cho việc thực hiện các nhiệm vụ tư pháp cấp xã ở huyện Mê Linh còn hạn chế, đã ảnh hưởng tới việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, đặc biệt kinh phí cho công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, hoạt động và quản lý hòa giải ở các xã. Để khắc phục tình trạng này, các xã cần quan tâm, tăng cường kinh phí và tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức và hoạt động tư pháp cấp xã như: bố trí kinh phí cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; trang bị máy tính phục vụ cho việc đăng ký, quản lý hộ tịch; bố trí kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ và cung cấp tài liệu cho hoạt động hòa giải...

Tiếp tục phát huy cao những thành quả đã đạt được trong thời gian qua và những bài học kinh nghiệm đã được đúc kết, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân; Quyết định số 212/2004/QĐ-TTg ngày 16/12/2005 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chương trình phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2005-2010; Quyết

định số 28/2006/QĐ-TTg ngày 28/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án chi tiết thuộc chương trình hành động quốc gia phổ biến giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân xã, phường, thị trấn từ năm 2010-2020.

Đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo hướng mở rộng quy mô, phối kết hợp với nhiều cấp, nhiều ngành, sử dụng nhiều hình thức phổ biến sinh động, phong phú, thiết thực, liên tục và bền bỉ như thông qua hình thức tuyên truyền miệng, các hội thi, cuộc thi, các buổi nói chuyện chuyên đề về pháp luật, thông qua tủ sách pháp luật lưu động, thông qua xét xử án lưu động, hòa giải cơ sở, giải quyết các vụ việc...

Trong điều kiện xây dựng một xã hội, dân chủ công bằng và văn minh thì một trong những điều kiện quan trọng là làm sao để người dân được tham gia tích cực vào hoạt động quản lý xã hội bằng pháp luật. Phổ biến, giáo dục pháp luật góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy sự lớn mạnh của tính tích cực, đảm bảo hành trang kiến thức pháp lý cần thiết cho sự tham gia vào hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật trong cả nước nói chung và huyện Mê Linh nói riêng

*** *Giải pháp cụ thể:***

Bố trí kinh phí cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật- nguồn đầu tư mục tiêu (20 triệu đồng/1 năm/xã);

Trang bị máy tính phục vụ cho việc đăng ký, quản lý hộ tịch (mỗi cán bộ Tư pháp - hộ tịch 1 máy tính, có nối mạng nội bộ, mạng huyện, thành phố, Trung ương khi triển khai mạng toàn quốc);

Bố trí kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ và cung cấp tài liệu cho hoạt động hòa giải (Mỗi quý tổ chức một buổi, thành phần gồm cán bộ Tư pháp và các hòa giải viên. Kinh phí cho tổ chức mỗi buổi 2 triệu đồng);

Hàng năm có kế hoạch khảo sát hệ thống loa truyền thanh và bố trí kinh phí cho công tác duy tu, bảo dưỡng (30 triệu đồng/ 1 năm).

Thứ ba, xây dựng đội ngũ công chức quản lý hộ tịch trên địa bàn cấp xã theo hướng chuyên nghiệp.

Khẩn trương xây dựng quy hoạch đội ngũ công chức quản lý hộ tịch trên địa bàn cấp xã tại huyện Mê Linh. Để có được đội ngũ cán bộ Tư pháp-hộ tịch cấp xã đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách tư pháp đến năm 2020 và Luật Hộ tịch năm 2014, có hiệu lực ngày 01/01/2016 thì việc xây dựng và triển khai quy hoạch đội ngũ cán bộ này là một yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan tư pháp địa phương phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng quy hoạch cán bộ này, trình UBND huyện Mê Linh và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt. Trong đó cần xác định rõ nhu cầu cán bộ, những chỉ tiêu cụ thể, giải pháp, tiến độ và các điều kiện tổ chức thực hiện. Đồng thời quy định rõ sự phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc triển khai quy hoạch.

Quy hoạch công chức quản lý hộ tịch cấp xã xác định theo mốc thời gian đến hết năm 2015 định hướng đến năm 2020 để bảo đảm xây dựng đội ngũ cán bộ trước mắt cũng như lâu dài. Tạo cơ sở để xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có và đào tạo bổ sung cho những biến động, thay đổi tự nhiên hoặc thực hiện việc bố trí, điều động, luân chuyển và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ này.

Bố trí đội ngũ công chức quản lý hộ tịch ở cấp xã trên địa bàn huyện Mê Linh đủ về số lượng và đúng tiêu chuẩn.

Huyện Mê Linh là một huyện ngoại thành của thành phố Hà Nội, cán bộ công chức quản lý hộ tịch cấp xã phải có đầy đủ trình độ theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban

hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn, Ở cấp xã bố trí 02 công chức Tư pháp - hộ tịch. Đối với những xã, phường, thị trấn có từ 10.000 dân trở lên, do số lượng dân cư quá lớn nên số lượng vụ việc tư pháp, hộ tịch cũng gia tăng rất nhiều.

Vì vậy, để đáp ứng kịp thời nhu cầu của công dân, tổ chức và xã hội trong lĩnh vực quản lý hộ tịch, đề nghị cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cần quan tâm, bố trí thêm 01 công chức quản lý hộ tịch mới có thể đảm đương được các nhiệm vụ công tác tư pháp được giao. Thực hiện nghiêm túc công tác tuyển dụng, bố trí, điều động cán bộ theo đúng quy hoạch, quy trình, tiêu chuẩn đã được quy định nhằm đảm bảo chất lượng và tính ổn định của đội ngũ công chức Tư pháp - hộ tịch kiêm nhiệm thêm các công việc khác để đảm bảo tính chuyên trách của đội ngũ làm công tác quản lý hộ tịch.

Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định trong việc kiện toàn nâng cao chất lượng đội ngũ công chức quản lý hộ tịch. Tuy nhiên, việc đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ này của 18 xã và thị trấn thuộc huyện Mê Linh không thể giải quyết một sớm, một chiều, đột chày giai đoạn và đội ngũ cán bộ ở các xã trình độ không đồng đều nên phải có bước đi, hình thức phù hợp với từng đối tượng, điều kiện thực tế của từng xã, thị trấn.

****Giải pháp cụ thể:***

Đối với công chức quản lý hộ tịch cấp xã dưới 40 tuổi cần tập trung đào tạo đại học luật để đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định và nâng cao năng lực công tác;

Đối với công chức quản lý hộ tịch cấp xã trên 45 tuổi cần được bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm theo các chuyên đề với thời gian mỗi đợt từ 7-10 ngày;

Đối với công chức quản lý hộ tịch dưới 40 tuổi cần tập trung đào tạo đại học Luật để đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định và nâng cao năng lực công tác;

Đối với công chức quản lý hộ tịch từ 40-45 tuổi cần có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn;

Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về văn bản quy phạm pháp luật, về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, đặc biệt, trong điều kiện mở rộng hội nhập hiện nay. Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ như soạn thảo văn bản; phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải...để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý hộ tịch;

- Thực hiện sự phân công, phân cấp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức quản lý hộ tịch; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác đào tạo, bồi dưỡng để bảo đảm cho công tác này được thực hiện thường xuyên, chủ động và hiệu quả.

Có chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cho cán bộ Tư pháp - hộ tịch cấp xã học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời có chính sách đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ và thu hút những người được đào tạo trung cấp Luật, đại học Luật về làm việc tại Mê Linh

Thứ tư, cải cách các thủ tục hành chính trong việc thực hiện đăng ký hộ tịch.

Cải cách thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mục tiêu cải cách hành chính của các nước nói chung, đặc biệt ở nước ta cải cách thủ tục hành chính được Đảng và Nhà nước ta hết sức coi trọng. Tại các văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đều chú trọng đến cải cách hành chính, trong đó cải cách về thủ tục hành chính là một nội dung then chốt.

Cải cách thủ tục hành chính nhằm đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong khi giải quyết các công việc hành chính. Loại bỏ những thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó

khăn cho dân. Mẫu hóa thống nhất các loại giấy tờ mà công dân cần phải làm khi có yêu cầu giải quyết các công việc về sản xuất, kinh doanh và đời sống.....Từ những mục tiêu quan trọng của Chương trình tổng thể cải cách hành chính, việc cải cách thủ tục hành chính về hộ tịch được Quốc hội và các cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch đặc biệt quan tâm, việc ban hành Luật Hộ tịch năm 2014 (có hiệu lực ngày 01/01/2016) theo hướng cải cách về thủ tục hành chính là cần thiết, sẽ tạo điều kiện tốt cho nhân dân ra làm thủ tục hành chính về hộ tịch.

Kế thừa những điểm cơ bản của các Nghị định quản lý hộ tịch trước đây các Thông tư hướng dẫn thi hành đã bổ sung các quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giải quyết các việc về hộ tịch, nhằm cải cách thủ tục, công khai minh bạch hóa các trình tự, thủ tục, quy định thời gian giải quyết hồ sơ ở từng giai đoạn trong quy trình, tương ứng với trách nhiệm và tính chất công việc phải giải quyết của từng cơ quan, rút ngắn đáng kể thời gian giải quyết các việc về hộ tịch, tạo điều kiện cho người dân có cơ sở pháp lý yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các việc về hộ tịch.

Mặc dù Nghị định 158/NĐ-CP được đánh giá là một “bước tiến dài” trong đăng ký và quản lý hộ tịch, trong đó có cả những vấn đề về thủ tục, tuy nhiên, quá trình thực thi cho thấy, có rất nhiều trường hợp Nghị định đã quy định mở theo hướng thông thoáng hơn những công dân vẫn không thể đáp ứng do những điều kiện cả về chủ quan và khách quan. Chính vì thế, có nhiều yêu cầu chính đáng của họ trở nên bế tắc do không đáp ứng được những yêu cầu luật định. Nghị định đã có nhiều quy định tháo gỡ vấn đề này trong đó có hình thức cho đương sự tự cam đoan. Luật Hộ tịch năm 2014 sẽ đáp ứng được các khó khăn, bế tắc trên.

Để công tác đăng ký và quản lý hộ tịch thực hiện đúng quy định pháp luật. UBND cấp xã có sự quan tâm lãnh đạo nhiều hơn đến công tác tư pháp

nói chung và công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Công chức Tư pháp - hộ tịch phải nâng cao phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để tham mưu cho UBND các xã, thị trấn và thực hiện công tác đăng ký quản lý hộ tịch đúng quy định pháp luật, phục vụ tốt yêu cầu của nhân dân.

**** Giải pháp cụ thể:***

Đơn giản hơn các giấy tờ về đăng ký hộ tịch;

Đơn giản hóa các thủ tục về việc cải chính hộ tịch;

Thực hiện cơ chế một cửa trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đăng ký hộ tịch ở Việt Nam;

Giảm thời gian cũng như rà soát và giảm các thủ tục liên quan đến thủ tục đăng ký hộ tịch;

Nêu cao ý thức tự chịu trách nhiệm của cá nhân trước pháp luật khi đăng ký hộ tịch (Cam đoan).

Thứ năm, tăng cường phối hợp các cơ quan, tổ chức trong quản lý hộ tịch.

Tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong việc củng cố, kiện toàn đội ngũ công chức quản lý hộ tịch và trong công tác phối hợp tổ chức quản lý hộ tịch

Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương là tiền đề quan trọng bảo đảm cho việc củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ tư pháp cấp xã và là những biện pháp quan trọng trong chỉ đạo điều hành thực hiện các hoạt động quản lý có hiệu quả công tác quản lý hộ tịch tại cấp xã.

Thông qua việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng về cải cách hành chính, cải cách tư pháp, đặc biệt là Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp đến năm 2020, các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đã nâng cao sự nhận thức rõ về vị trí, vai trò và các hoạt động của đội ngũ công chức quản lý hộ tịch

cấp xã trong sự nghiệp xây dựng đất nước hiện nay, thống nhất triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ này cũng như của hoạt động quản lý hộ tịch cấp xã.

**** Giải pháp cụ thể:***

Huyện ủy xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác cán bộ, trong đó chú trọng cán bộ Tư pháp - hộ tịch nhiệm kỳ 2015–2020;

Đảng ủy các xã, thị trấn trong huyện căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch về công tác cán bộ phù hợp với xã, thị trấn mình, đảm bảo có nguồn ngay khi kế cận;

Xây dựng Quy chế phối hợp công tác giữa các ban ngành, đoàn thể của xã, thị trấn với UBND. Thực hiện cơ chế giao ban 2 tuần 1 lần để tăng cường công tác phối hợp với đầy đủ các thành phần như: Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, cán bộ tư pháp, cán bộ văn hóa...;

Tăng cường phối hợp chuyên môn giữa Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp; giữa Phòng Tư pháp với cán bộ chuyên môn Tư pháp - hộ tịch cấp xã. Thiết lập mạng điện tử trao đổi thường xuyên về công tác chuyên môn để kịp thời tháo gỡ những khó khăn trong công tác đăng ký và quản lý về hộ tịch.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch.

Hiện nay, do sự chỉ đạo, kiểm tra của cấp huyện đối với công tác cán bộ ở xã chưa làm tốt, nên nhiều nơi có sự đánh giá khác nhau (trong huyện ủy và các ngành ở huyện) về cán bộ cơ sở, cũng như có cách giải quyết thiếu chính xác, kịp thời về những vấn đề nảy sinh. Sự chỉ đạo, giúp đỡ của cấp huyện đối với cơ sở là toàn diện, riêng đối với công tác cán bộ nổi lên mấy nội dung sau:

Có biện pháp thường xuyên bảo vệ cán bộ Tư pháp - hộ tịch cấp xã. Xây dựng mà không bảo vệ, phát triển mà không củng cố thì đội ngũ cán bộ sẽ không lớn mạnh. Kịp thời điều chuyển những cán bộ quản lý hộ tịch xã

không hợp với công việc đã phân công; xử lý những cán bộ năng lực quá yếu hoặc có vi phạm; tăng cường cho xã những cán bộ hộ tịch có uy tín, năng lực từ các ban, ngành của huyện hoặc từ xã khác đến.

Cần phải tăng cường sự lãnh đạo tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân trong xem xét những vấn đề quan trọng như phương hướng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch công tác cán bộ ở xã, chủ động xem xét, lựa chọn, bố trí, đề bạt cán bộ chủ chốt thuộc phạm vi quản lý; sắp xếp, điều động một số chức danh quan trọng trong hệ thống chính trị; tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách chế độ đối với cán bộ quản lý hộ tịch cấp xã.

Thực hiện những nội dung nói trên, ngoài các công văn, chỉ thị, cấp huyện phải phân công người xuống tận nơi để chỉ đạo, giúp đỡ cơ sở. Thường trực huyện ủy phân công các ủy viên thường vụ, mỗi người chịu trách nhiệm chỉ đạo một hoặc vài xã làm cho Ban thường vụ gần, sát với xã nhiều hơn, đưa thông tin chỉ đạo của huyện đến xã kịp thời và toàn diện, giúp cấp xã giải quyết được một số khó khăn. Song, cái chưa được cũng khá nhiều:

Một hình thức khác, rất đáng lưu ý là, thường xuyên duy trì họp báo, họp giao ban định kỳ giữa các bộ quản lý phòng tư pháp huyện với các công chức quản lý Tư pháp - hộ tịch cấp xã. Qua cuộc họp đó, lãnh đạo huyện trực tiếp nghe các xã, ngành báo cáo tình hình chung, những khó khăn, vướng mắc để có hướng chỉ đạo tiếp theo.

Như vậy sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp huyện đối với xã được thực hiện bằng nhiều hình thức, cần nghiên cứu vận dụng cho phù hợp với từng nơi, sao cho vừa đảm bảo nguyên tắc, vừa đạt hiệu quả cao nhất.

Cấp huyện không bao biện làm thay cấp xã, tạo cho cấp xã có thói quen trông chờ, ỷ lại vào huyện “ Việc gì cấp trên cũng nhúng vào, cán bộ cũng như một cái máy, việc gì cũng chờ mệnh lệnh, sinh ra ỷ lại, mất hết sáng kiến” [24,tr.280]. Đồng thời, không được buông lỏng, khoán trắng cho cơ sở- nhất là công tác quản lý hộ tịch.

Đặc biệt, cấp huyện phải "chú trọng đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức bộ máy làm công tác cán bộ", chăm lo xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ ở huyện một cách toàn diện, từ phẩm chất, trình độ, năng lực, tác phong, phương pháp công tác đến quy trình công tác khoa học và phương tiện làm việc hiện đại, tuyển chọn những người công tâm, trung thực và có kinh nghiệm làm công tác cán bộ vào các cơ quan tổ chức [25,tr.95]. Khắc phục tình trạng đưa người mắc khuyết điểm, phạm kỷ luật về cơ quan tổ chức; hoặc chọn đúng người tốt, nhưng ít quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng họ.

**** Các giải pháp cụ thể:***

Tổ chức kiểm tra chuyên đề (có kế hoạch cụ thể trước) hoặc đột xuất;

Hàng năm, tổ chức kiểm tra chuyên môn về công tác tư pháp hai lần (vào tháng 6 và tháng 12) nhằm rút kinh nghiệm kịp thời về công tác chuyên môn, giải quyết những vướng mắc;

Một năm một lần tổ chức họp thôn, tổ dân phố để lấy ý kiến đóng góp cho cán bộ làm công tác Tư pháp - hộ tịch.

Kết luận chương 3

Luận văn đã dành cả chương cuối cùng để đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác quản lý nhà nước về hộ tịch. Luận văn đã nêu mục tiêu, yêu cầu của quản lý nhà nước về hộ tịch và phân tích các nhóm giải pháp chung, nhóm giải pháp cụ thể đối với huyện Mê Linh để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở cả nước nói chung và huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội nói riêng. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và qua thực tế công tác quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Mê Linh, luận văn đã đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã trong thời gian tới là hoàn thiện pháp luật quản lý nhà nước về hộ tịch, nâng cao năng lực bộ máy đăng ký quản lý hộ tịch của chính quyền các cấp, tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch trên địa bàn cấp xã, cải cách thủ tục hành chính trong việc thực hiện đăng ký hộ tịch, tăng cường phối hợp các cơ quan, tổ chức trong quản lý hộ tịch, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch.

Bên cạnh các giải pháp về pháp luật, các giải pháp khác cũng được luận văn xác định là cần chú trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước về hộ tịch.

KẾT LUẬN

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta vững bước vào thế kỷ XXI trong xu thế hòa chung với thế giới, quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã là công việc của hệ thống quản lý hành chính Nhà nước để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn chú trọng tới tư pháp - hộ tịch cấp xã, từng bước quan tâm xây dựng, đổi mới chế độ, chính sách đào tạo đối với đội ngũ cán bộ công chức quản lý hộ tịch xã theo hướng không ngừng nâng cao vị thế, cũng như chính sách quản lý hộ tịch trong xu thế phát triển. Coi công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ công chức quản lý hộ tịch cấp xã là một trong những nhiệm vụ hàng đầu trong xây dựng và củng cố chính quyền nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính, công tác quản lý hộ tịch ở cấp xã, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội đã đạt nhiều kết quả quan trọng, trong đó công tác đăng ký và quản lý hộ tịch được đảm bảo, ý thức của người dân được nâng lên rõ rệt nhờ làm tốt công tác tuyên truyền về hộ tịch. Hoạt động thanh tra, kiểm tra hàng năm được coi trọng, công tác thống kê, báo cáo được thực hiện đúng theo quy định, mặt khác việc lưu trữ sổ sách được đảm bảo do vậy các sự kiện về hộ tịch được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác đồng thời góp phần xây dựng các chính sách về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng và dân số, kế hoạch hóa gia đình. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ những yếu kém, bất cập cần khắc phục.

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và qua thực tế công tác quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Mê Linh; luận văn đã đề xuất

những giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã trong thời gian tới là hoàn thiện pháp luật quản lý nhà nước về hộ tịch; nâng cao năng lực bộ máy đăng ký quản lý hộ tịch của chính quyền các cấp; tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch trên địa bàn các xã, thị trấn; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức hộ tịch; cải cách các thủ tục hành chính trong việc thực hiện đăng ký hộ tịch; tăng cường phối hợp các cơ quan, tổ chức trong quản lý hộ tịch; đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch.

Đất nước ta đang trong quá trình đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế, mọi cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương trong đó có huyện Mê Linh đang đứng trước những thời cơ và đối mặt với những thách thức mới. Vấn đề đổi mới và nâng cao quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã trên địa bàn huyện có vị trí đặc biệt quan trọng góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Việc thực hiện các giải pháp trong khuôn khổ đề tài luận văn nêu ra, sẽ góp phần hữu ích vào việc quản lý nhà nước về hộ tịch trên địa bàn cấp xã, ngày một hoàn thiện hơn. Bên cạnh đó góp phần vào việc giải quyết những việc cụ thể, bức xúc trong thực tế và công tác đăng ký hộ tịch./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Huỳnh Tịnh Paulus của: *Đại Nam Quốc âm tự vị*, Sài Gòn. 1895, quyển I, tr. 425;
2. Nguyễn Tài Cẩn: *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. 1975, tr. 211;
3. Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, in lần thứ năm, Nxb. Đà Nẵng. 1998, tr. 9;
4. Đào Duy Anh: *Giản yếu Hán - Việt từ điển*, quyển thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội. 1992, tr. 384;
5. Nguyễn Văn Khôn: *Hán- Việt từ điển*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn. 1960, tr. 404;
6. Hoàng Thúc Trâm: *Hán-Việt tân từ điển*, Tân Sanh ấn quán, Sài Gòn. 1974, tr. 296;
7. Bửu Kế: *Từ điển Hán - Việt từ nguyên*, Nxb. Thuận Hoá, TP. Hồ Chí Minh. 1999, tr. 814;
8. Nguyễn Lân (chủ biên): *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh. 1989, tr. 321;
9. Viện Ngôn ngữ học (Hoàng Phê chủ biên): *Từ điển tiếng Việt*, in lần thứ năm, Nxb. Đà Nẵng. 1998, tr. 442;
10. Nguyễn Như Ý (chủ biên): *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội. 1998, tr. 835;
11. Nguyễn Văn Đạm: *Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt*, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội. 1999, tr. 385;
12. Phan Văn Thiết: *Hộ tịch chỉ nam*, Tủ sách phổ thông, in lần thứ nhất, Sài Gòn. 1958, tr. 7;
13. Vũ Văn Mẫu, Lê Đình Chân: *Danh từ và tài liệu Dân luật và Hiến luật*, Tủ sách ĐH Sài Gòn. 1968, tr. 111;

14. Trần Thúc Linh: *Danh từ pháp luật lược giải*, Nhà sách Khai trí, Sài

Gòn. 1965, tr. 42;

15. Theo thống kê chưa đầy đủ, chỉ riêng trong hai năm 1964 - 1965, Tổng trưởng Tư pháp của Chính phủ ngụy quyền Sài Gòn đã ban hành 16 Thông tư hướng dẫn các vấn đề về hộ tịch. Ví dụ: Thông tư số 486-B/BNV/HC/12 ngày 20/01/1964 về việc lập khai sinh cho các trẻ em nông thôn chưa khai sinh hợp lệ; Thông tư số 1822/VPCP/HC ngày 19/02/1965 về việc ghi chú án văn ly thân, ly dị do Toà Lãnh sự Pháp thỉnh cầu; Thông tư số 11.079-BTP/HOV ngày 07/10/1965 của Bộ Tư pháp chế độ ngụy quyền Sài Gòn về việc cấp chứng chỉ sổ bộ bị thất lạc hay tiêu huỷ;
16. Lê Tài Triển, "Nhiệm vụ của công tố viện", Sài Gòn. 1971, tr.52;
17. Theo Sắc lệnh 1883, hộ lại mắc lỗi hủy hoại, hoặc làm thất lạc sổ bộ, hoặc vì tình riêng mà có thiếu sót, sai lầm hoặc dung nạp tài liệu giả mạo trong đăng ký hộ tịch sẽ bị phạt từ 500 đến 2000 quan và phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm.;
18. Điều thứ 12 Sắc lệnh ngày 10/10/1945 của Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa;
19. Điều thứ 3, Sắc lệnh số 185 ngày 26/5/1948 ấn định thẩm quyền của Tòa án sơ cấp và đệ nhị cấp;
20. Điều 32, Sắc lệnh số 51 ngày 17/4/1946 về ấn định thẩm quyền các tòa án và sự phân công giữa các nhân viên trong Tòa án;
21. Khoản 10, Điều 3, Sắc lệnh số 47 ngày 7/4/1946 về tổ chức Bộ Ngoại giao;
22. Thông tư Liên bộ Nội vụ - Công an số 1801/TT-TB ngày 24/12/1957 của liên bộ Nội vụ - Công an về việc cấp Giấy chứng minh nhân dân;
23. Báo cáo Tổng kết công tác Hộ tịch năm: 2010; 2011; 2012; 2013; 2014;
24. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 5, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1995, tr. 280;

25. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Khoá VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1997, tr. 95;
26. Báo cáo số 104/BC-BTP ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tư pháp “Tổng kết công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch”, Hà Nội;
27. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
30. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
32. Đào Trí Úc (chủ biên), “*Những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước và pháp luật*”. NXB Chính trị Quốc Gia, 1995;
33. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, 1995;
34. Lê Minh Tâm (chủ biên), “*Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*”, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000;
35. Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 về cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn;
36. Nghị định 158/2005 NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.
37. Nghị định 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình, chứng thực;

38. Thông tư 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 về hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005 NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
39. Phạm Hồng Hoàn, “*Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội*”(luận văn cao học) năm 2011;
40. Nguyễn Thị Chính, “Quản lý nhà nước về hộ tịch của Ủy ban nhân dân phường ở quận Đống Đa, thành phố Hà Nội” luận văn cao học) năm 2013;
41. Nguyễn Thúy Hằng, “*Quản lý nhà nước về Tư pháp của Ủy ban nhân dân phường ở quận Hà Đông, thành phố Hà Nội*”(luận văn cao học) năm 2014;
42. Tạp chí dân chủ - pháp luật số 6/2006;
43. Tạp chí dân chủ - pháp luật số 9/2006;
44. Tạp chí dân chủ - pháp luật số chuyên đề năm 2007;
45. Tạp chí dân chủ - pháp luật số 3/2008.
-